

CHƯƠNG V. YÊU CẦU KỸ THUẬT

A. Giới thiệu chung về gói thầu:

- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ đặc quyền cho khách hàng BIDV
- Nguồn vốn: Chi phí tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
- Địa điểm thực hiện: Theo yêu cầu chi tiết của từng dịch vụ tại Mục C dưới đây.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

B. Mục tiêu công việc: Các dịch vụ yêu cầu thực hiện bao gồm:

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính
1	Golf		
1.1	Golf loại 1	180	Lượt
1.2	Golf loại 2	863	Lượt
1.3	Golf loại 3	627	Lượt
2	Phòng chờ quốc nội		
2.1	Phòng thường	38,167	Lượt
2.2	Phòng cao cấp	224	Lượt
3	Phòng chờ quốc ngoại		
3.1	Phòng thường	5,211	Lượt
3.2	Phòng cao cấp	38	Lượt
4	Phòng chờ quốc tế - Phòng cao cấp	35	Lượt
5	Fasttrack trong nước		
5.1	Quốc nội	4,042	Lượt
5.2	Quốc ngoại	3,194	Lượt
6	Fasttrack quốc tế	80	Lượt
7	Nghỉ dưỡng		
7.1	Premier Elite (loại 2)	830	Lượt
7.2	Private (loại 1)	201	Lượt
8	Gói khám		
8.1	Premier Elite (loại 1)	221	Lượt
8.2	Private <100 tỷ (loại 2)	284	Lượt
8.3	Private 100-200 tỷ (loại 3)	43	Lượt
8.4	Private 200 – 300 tỷ (loại 4)	10	Lượt
8.5	Private >300 tỷ (loại 5)	10	Lượt
9	Bác sĩ gia đình		
9.1	Premier	1,083	Lượt
9.2	Premier Elite	206	Lượt

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính
9.3	Private	412	Lượt
10	Chi tiêu - Âm thực	1,399	Lượt
11	Chi phí vận hành	1.00	Gói

C. Yêu cầu kỹ thuật của Gói thầu.

I. Yêu cầu dịch vụ cung cấp:

1. Dịch vụ sân bay trong nước

a. Dịch vụ phòng chờ trong nước

- KH xuất trình thẻ BIDV (hình thức vật lý/ phi vật lý/ trên ví ApplePay/ SamsungPay...) để sử dụng miễn phí dịch vụ phòng chờ, không cần đặt trước qua tổng đài.
- Danh sách phòng chờ tối thiểu áp dụng dịch vụ:

STT	Tên phòng chờ	Địa điểm
I	Phòng chờ thông thường (Phòng thường)	
	Phòng chờ ga quốc nội (Phòng chờ quốc nội)	
1	Lotus Lounge (Sảnh D)	Tầng 3, Sảnh D, Nhà ga T1, Khu cách ly ga đi Quốc Nội, Cảng Hàng Không Quốc Tế Nội Bài
2	ASG Sky Lounge (sảnh E)	Tầng 2, Sảnh E, Nhà ga T1, Khu cách ly ga đi Quốc Nội, Cảng Hàng Không Quốc Tế Nội Bài
3	SH Premium Lounge Ha Noi 1	Tầng 3, gần cửa khởi hành số 4 và 9, Nhà Ga T1, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Quốc Tế Nội Bài.
4	SH Premium Lounge Tan Son Nhat	Tầng 4, Nhà ga T3, Khu cách ly Quốc nội, Gần cửa khởi hành số 12, Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất
5	The SENS Business Lounge	Tầng 4, Nhà ga T3, Khu cách ly ga đi Quốc Nội, Gần khu vực cửa khởi hành 1-9, Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất
6	Le Saigonais Business Lounge	Tầng 2, Nhà ga T1 đối diện cửa khởi hành số 12, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất
7	SH Premium Lounge Đà Nẵng	Tầng 3, Gần cửa khởi hành số 6, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Quốc Tế Đà Nẵng
8	The Champ Lounge	Gần cửa khởi hành số 6, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Quốc Tế Cam Ranh
9	SH Premium Lounge Cam Ranh	Tầng 2, gần cửa khởi hành số 5 và 6, Khu cách ly ga đi Quốc Nội, Cảng Hàng Không quốc tế Cam Ranh
10	SH Premium Lounge Phu Quoc 1 & 2	Tầng 2, Gần cửa khởi hành số 12, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Quốc Tế Phú Quốc.

11	SH Premium Lounge Lien Khuong	Tầng 2, Gần cửa khởi hành số 1 và 2, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Quốc Tế Liên Khuong.
12	SH Premium Lounge Can Tho	Tầng 2, Cận cửa khởi hành số 5, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Quốc Tế Cần Thơ.
13	SH Premium Lounge Phu Bai	Tầng 2, Gần cửa khởi hành số 6, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Quốc Tế Phú Bài.
14	SH Premium Lounge Cat Bi	Tầng 2, Phòng khách nằm cạnh cửa khởi hành số 1, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Quốc Tế Cát Bi.
15	SH Premium Lounge Phu Cat	Tầng 2, Phòng khách nằm đối diện thang máy, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Phù Cát.
16	SH Premium Lounge Vinh	Tầng 2, Gần cửa khởi hành số 6, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Quốc Tế Vinh.
17	SH Premium Lounge Buon Ma Thuot	Tầng 1, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Buôn Ma Thuột.
18	SH Premium Lounge Pleiku	Tầng 1, Gần cửa khởi hành số 1, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Pleiku.
19	SH Premium Lounge Chu Lai	Tầng 2, Gần cửa khởi hành số 1, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Chu Lai.
20	SH Premium Lounge Dong Hoi	Tầng 2, Gần cửa khởi hành số 2, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Đồng Hới.
21	SH Premium Lounge Tho Xuan	Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Thọ Xuân
22	SH Premium Lounge Tuy Hoa	Tầng 1, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Tuy Hòa.
23	SH Premium Lounge Dien Bien	Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Điện Biên.
24	SH Premium Lounge Ca Mau	Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Cà Mau.
26	SH Premium Lounge Rach Gia	Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Rạch Giá.
27	SH Premium Lounge Con Dao	Tầng 1, cạnh cửa khởi hành số 1, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Côn Đảo.
Phòng chờ ga quốc tế (Phòng chờ quốc ngoại)		
1	Lotus Business Lounge 2	Tầng 4, Nhà ga T2, lối lên ở giữa gate 21 và 22, Khu cách ly Ga đi Quốc tế, Cảng Hàng Không Quốc Tế Nội Bài
2	SH Premium Lounge Ha Noi 2	Tầng 4, Nhà ga T2, gần cửa khởi hành số 21, Khu cách ly Ga đi Quốc tế, Cảng Hàng Không Quốc Tế

		Nội Bài
3	SH Premium Lounge Ha Noi 3	Cánh Tây, Nhà ga T2, gần cửa khởi hành số 36 và 37, Khu cách ly Ga đi Quốc tế, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài
4	International NIA Business Lounge	Cánh Đông, Tầng 2, Ga đi quốc tế T2, Sân bay quốc tế Nội Bài, Hà Nội.
5	Apricot Business Lounge	Tầng 1, nằm giữa cửa khởi hành số 17 và 18, Khu cách ly Ga đi Quốc tế, Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất.
6	The Sun Coast Lounge	Đối diện cửa khởi hành số 2, Khu cách ly Ga đi Quốc tế, Cảng Hàng Không Quốc Tế Cam Ranh
7	SH Premium Cam Ranh Quốc tế	Tầng 2, Gần cửa ra tàu bay số 4 & 5, Khu cách ly Ga đi Quốc Tế, Cảng Hàng Không Quốc Tế Cam Ranh
8	CIP Orchid Lounge	Khu cách ly ga đi Quốc Tế, Tầng 2, Cảng Hàng Không Quốc tế Đà Nẵng
9	The SENS Business Lounge	Tầng 2, Gần Cửa khởi hành số 7, Khu cách ly Ga đi Quốc tế, Cảng Hàng Không Quốc Tế Phú Quốc
II	Phòng chờ cao cấp (Phòng cao cấp)	
	Phòng chờ ga nội địa (Phòng chờ quốc nội)	
1	SH Elite Lounge Ha Noi 1	Nhà Ga T1, Khu cách ly Ga đi Quốc nội, Cảng Hàng Không Quốc Tế Nội Bài.
2	SH Elite Lounge Tân Sơn Nhất	Tầng 4, Nhà ga T3, Khu cách ly Quốc nội, Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất
	Phòng chờ ga quốc tế (Phòng chờ quốc ngoại)	
1	SH Elite Lounge Hanoi 2	Tầng 4, Cánh Tây, Gần cổng khởi hành số 36 & 37, Khu cách ly ga đi Quốc tế, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài
2	SH Elite Lounge Quốc tế Long Thành	TP HCM (Áp dụng khi phòng chờ triển khai dịch vụ)
3	SH Elite Lounge Quốc tế Đà Nẵng	Đà Nẵng (Áp dụng khi phòng chờ triển khai dịch vụ)

Ghi chú: Trong quá trình triển khai dịch vụ, trong trường hợp có thay đổi, bổ sung các địa điểm, nhà thầu sẽ phải thông báo bằng văn bản cho BIDV và nhận được sự chấp thuận từ BIDV.

b. Dịch vụ Fasttrack trong nước

- KH đặt trước dịch vụ qua Tổng đài/app SMB BIDV, áp dụng dịch vụ tối thiểu tại sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất.
- Fasttrack quốc nội: Dịch vụ cung cấp bao gồm nhưng không giới hạn: Nhân viên phục vụ riêng để hỗ trợ khách hàng về vận chuyển hành lý, qua công an ninh, hướng dẫn vào phòng chờ, đưa tiễn ra cửa khởi hành...

- Fasttrack quốc ngoại: Dịch vụ cung cấp bao gồm nhưng không giới hạn: Nhân viên phục vụ riêng để hỗ trợ khách hàng về vận chuyển hành lý, qua công an ninh, làm thủ tục hải quan, xuất nhập cảnh, hướng dẫn vào phòng chờ, đưa tiễn ra cửa khởi hành...

2. Dịch vụ sân bay quốc tế

a. Dịch vụ phòng chờ quốc tế cao cấp

- KH đặt trước dịch vụ qua Tổng đài/app SMB BIDV
- Danh sách phòng chờ tối thiểu áp dụng:

STT	Tên Phòng chờ	Địa điểm
1	Singapore: The Private Room	The Private Room. Sân bay Quốc tế Changi, Nhà ga T3, bên trong Phòng chờ hạng nhất SilverKris của Singapore Airlines.
2	Hongkong: The Pier First Class Lounge	The Pier First Class Lounge. Sân bay Quốc tế Hồng Kông (HKG), Nhà ga T1, Tầng 6), gần Cổng 63
3	Trung Quốc: Air China First Class Lounge	Air China First Class Lounge. Sân bay Quốc tế Bắc Kinh (PEK), Tầng 2, Nhà ga số 3 (T3-C)
4	Dubai: Emirates First Class Lounge	Emirates First Class Lounge. Nhà ga T3, sảnh A, B và C. Khu vực lớn nhất nằm ở sảnh A
5	Qatar: Al Safwa First Lounge	Tầng 03, nhà ga chính. Sân bay Quốc tế Doha Hamad (DOH)

Ghi chú: Trong quá trình triển khai dịch vụ, trong trường hợp có thay đổi, bổ sung các địa điểm, nhà thầu sẽ phải thông báo bằng văn bản cho BIDV và nhận được sự chấp thuận từ BIDV.

b. Dịch vụ Fasttrack quốc tế

- Dịch vụ cung cấp bao gồm nhưng không giới hạn:
- + Nhân viên liên hệ trước với hành khách để thống nhất thời gian và địa điểm đón/ trả khách trước khi đến sân bay
- + Đón hành khách tại khu vực curbside (trước nhà ga) bởi nhân viên hỗ trợ và nhân viên khuôn vác hành lý
- + Hỗ trợ hành khách hoàn tất toàn bộ thủ tục check-in và an ninh, sử dụng làn Fast Track khi có sẵn.
- + Hỗ trợ hành khách đến Phòng chờ Khởi hành và/hoặc đến cửa ra máy bay
- KH đặt trước dịch vụ qua Tổng đài/app SMB BIDV tối thiểu 72h trước thời gian sử dụng dịch vụ
- Áp dụng tại các sân bay ngoài lãnh thổ Việt Nam tối thiểu như sau:

STT	Quốc gia	Tên sân bay
1	Trung Quốc	Beijing Capital International Airport
		Chengdu Tianfu International Airport
		Shanghai Hongqiao International Airport
		Guangzhou Baiyun International Airport
		Chongqing Jiangbei International Airport
		Xiamen Gaoqi International Airport

		Kunming Changshui International Airport
		Qingdao Jiaodong International Airport
		Shenzhen Baoan airport
		Hangzhou Xiaoshan International Airport
2	Thái Lan	Suvarnabhumi (BKK)
3	Malaysia	Kuala Lumpur International Airport
4	Hàn Quốc	Incheon Airport
5	Singapore	Singapore Changi Airport
6	Canada	Toronto Pearson International Airport

Ghi chú: Trong quá trình triển khai dịch vụ, trong trường hợp có thay đổi, bổ sung các địa điểm, nhà thầu sẽ phải thông báo bằng văn bản cho BIDV và nhận được sự chấp thuận từ BIDV.

3. Dịch vụ Golf

- KH được tặng lượt chơi Golf (bao gồm Green fee, Caddy fee, Buggy fee) trong tuần hoặc cuối tuần
- KH đặt dịch vụ theo nhu cầu phát sinh, không yêu cầu thời gian đặt trước qua tổng đài.
- Áp dụng tối thiểu tại các sân Golf sau đây:

STT	Tên sân golf	Địa chỉ
I	Danh mục sân loại 1	
1	Stone Valley Golf & Resort	Tỉnh Ninh Bình
2	Chí Linh Star Golf & Country Club	TP Hải Phòng
3	FLC Hạ Long	Tỉnh Quảng Ninh
4	FLC Sam Son Golf Links	Tỉnh Thanh Hóa
5	Dai Lai Star Golf & Country Club	Tỉnh Phú Thọ
6	Tam Dao Golf & Resort	Tỉnh Phú Thọ
7	Hilltop Valley	Tỉnh Phú Thọ
8	Sapa Grand Golf Course	Tỉnh Lào Cai
9	FLC Quy Nhơn Links	Tỉnh Gia Lai
10	Mường Thanh Xuân Thành	Tỉnh Hà Tĩnh
11	Laguna Lăng Cô	TP Huế
12	Mường Thanh Diễn Lâm	Tỉnh Nghệ An
13	FLC Quang Bình Golf Links	Tỉnh Quảng Trị
14	Sea Links Golf & Country Club	Tỉnh Lâm Đồng

15	Dong Nai Golf Resort	Tỉnh Đồng Nai
II	Danh mục sân loại 2	
1	BRG King's Island Golf Club	TP Hà Nội
2	Sky Lake Golf Club (Sky Course)	TP Hà Nội
3	Hanoi Golf Club	TP Hà Nội
4	Vinpearl Hải Phòng	TP Hải Phòng
5	BRG Ruby Tree Golf & Resort	TP Hải Phòng
6	Thanh Lan Golf	Tỉnh Phú Thọ
7	Stone Highland Golf & Resort	Tỉnh Bắc Ninh
8	Phoenix Golf Resort (Dragon Course và Phoenix Course)	Tỉnh Phú Thọ
9	KN Cam Ranh	Tỉnh Khánh Hòa
10	Vinpearl Golf Club – Nha Trang	Tỉnh Khánh Hòa
11	Vinpearl Golf Club - Nam Hoi An	TP Đà Nẵng
12	Montgomerie Links	TP Đà Nẵng
13	Twin Doves Golf Club	TP HCM
14	Long Thanh Golf Resort	Tỉnh Đồng Nai
15	Taekwang Jeongsan Country Club	Tỉnh Đồng Nai
16	Vinpearl Golf Club - Phu Quoc	Tỉnh An Giang
17	Sacom Golf Club	Tỉnh Lâm Đồng
18	Tân Sơn Nhất Golf Club	TP Hồ Chí Minh
19	Vietnam Golf & Country Club	TP Hồ Chí Minh
20	Sông Bé Golf Resort	TP Hồ Chí Minh
III	Danh mục sân loại 3	
1	Long Biên Golf Club	TP Hà Nội

Ghi chú: Trong quá trình triển khai dịch vụ, trong trường hợp có thay đổi, bổ sung các địa điểm, nhà thầu sẽ phải thông báo bằng văn bản cho BIDV và nhận được sự chấp thuận từ BIDV.

4. Dịch vụ Nghỉ dưỡng, Ẩm thực và Sức khỏe

4.1. Nghỉ dưỡng:

- Tặng 1 đêm nghỉ dưỡng (2 ngày 1 đêm) phòng đôi Standard.
- Địa điểm áp dụng tối thiểu như sau:

○ **Gói 1: Khách sạn loại 1:**

STT	Tên khách sạn	Địa điểm
1	Danang Marriott Resort & Spa	Đà Nẵng
2	InterContinental Phu Quoc Long Beach Resort	An Giang
3	InterContinental Hà Nội Westlake	Hà Nội
4	InterContinental Hanoi Landmark72	Hà Nội
5	Sofitel Legend Metropole Hanoi	Hà Nội
6	An Lâm Retreat Saigon River	TP.HCM
7	Holiday Inn Hồ Tràm	TP.HCM
8	The Reverie Saigon	TP.HCM
9	Ana Mandara Cam Ranh	Khánh Hòa
10	InterContinental Phu Quoc Long Beach Resort	An Giang
11	Sailing Club Signature Resort Phu Quoc	An giang
12	InterContinental Halong Bay Resort	Quảng Ninh

○ **Gói 2: Khách sạn loại 2:**

STT	Khách sạn	Địa điểm
1	Hotel Colline Đà Lạt	Lâm Đồng
2	Flamingo Cat Ba Beach Resort	Hải Phòng
3	Silk Path Grand Sapa Resort & Spa	Lào Cai
4	Flamingo Dai Lai Resort	Phú Thọ
5	Novotel Nha Trang	Khánh Hòa
6	Vinpearl Nha Trang	Khánh Hòa
7	Mercure Vung Tau	TP.HCM
8	Emeralda Ninh Bình Resort & Spa	Ninh Bình
9	Melia Đà Nẵng Beach Resort	Đà Nẵng
10	Novotel Danang Premier Han River	Đà Nẵng
11	Palm Garden Resort	Đà Nẵng
12	Pullman Hanoi Hotel	Hà Nội
13	Best Western Premier Sonasea Phu Quoc	An Giang
14	Hotel Nikko Haiphong	Hải Phòng
15	Merperle Hòn Tằm Resort	Khánh Hòa
16	Novotel Halong Bay	Quảng Ninh

17	Rex Hotel Sai Gon	TP.HCM
18	Terracotta Hotel & Resort	Lâm Đồng
19	The Cliff Resort & Residences	Lâm Đồng
20	Dolce By Wyndham Hanoi Golden Lake	Hà Nội
21	Duyen Ha Resort Cam Ranh	Khánh Hòa
22	Hotel Du Parc	Hà Nội
23	Lan Rung Resort Phuoc Hai	TP.HCM
24	New World Saigon Hotel	TP.HCM
25	Vinpearl Resort & Spa Phú Quốc	An Giang
26	Wyndham Đà Nẵng Golden Bay	Đà Nẵng
27	À La Carte Đà Nẵng	Đà Nẵng
28	Best Western Premier Sapphire Halong	Quảng Ninh
29	Ha Noi Pearl Hotel	Hà Nội
30	Novotel Hồ Chí Minh Hotel	TP.HCM
31	Allegro Hoi An	Đà Nẵng
32	Fleur De Lys Hotel Quy Nhon	Gia Lai
33	Imperial Hue	Huế
34	Liberty Central Nha Trang	Khánh Hòa
35	Liberty Central Saigon	TP.HCM
36	Silk Path Hà Nội	Hà Nội
37	Danang Marriott Resort & Spa	Đà Nẵng
38	Little Riverside Hoi An	Đà Nẵng
39	Pandanus Resort	Lâm Đồng
40	Sailing Club Signature Resort Phu Quoc	An Giang
41	Seagull Hotel Quy Nhon	Gia Lai
42	Swiss Belresort Tuyen Lam Dalat	Lâm Đồng
43	Imperial Vũng Tàu Hotel	TP.HCM
44	FLC Quy Nhon Beach & Golf Resort	Gia Lai
45	Mercure Hà Nội	Hà Nội
46	Vinpearl Hotel Huế	Huế
48	VoCo Quang Binh Resort by IHG	Quảng Trị
49	Shilla Monogram Danang	Đà Nẵng
50	Yoko Onsen Quang Hanh	Quảng Ninh

51	Shilla Monogram Danang	Đà Nẵng
52	Hilton Hanoi Opera	Hà Nội
53	A Là Carte Hạ Long Bay	Quảng Ninh
54	Citadines Marina Halong	Quảng Ninh
55	Sea Star Hotel Hạ Long	Quảng Ninh
56	Vinpearl Resort & Spa Hạ Long	Quảng Ninh
57	The Yatch Hotel by DC	Quảng Ninh
58	Radisson Blu Ha Long Bay	Quảng Ninh
59	Wyndham Legend Ha Long	Quảng Ninh
60	Silk Path Grand Sapa Resort & Spa	Lào Cai
61	Victoria Sapa Resort & Spa	Lào Cai
62	Sapa Jade Hill Reptsort & Spa	Lào Cai
63	Pao's Sapa Leisure Hotel	Lào Cai

Ghi chú: Trong quá trình triển khai dịch vụ, trong trường hợp có thay đổi, bổ sung các địa điểm, nhà thầu sẽ phải thông báo bằng văn bản cho BIDV và nhận được sự chấp thuận từ BIDV.

4.2. Ẩm thực

- Tặng lượt giảm giá trị giá 3.5 triệu đồng khi sử dụng bữa ăn tại các nhà hàng cao cấp trong chương trình, cụ thể:
 - Nếu giá trị KH sử dụng ≥ 3.5 triệu đồng: BIDV thanh toán 3.5 triệu đồng, khách hàng thanh toán chi phí phát sinh thêm qua thẻ BIDV.
 - Nếu giá trị KH sử dụng < 3.5 triệu đồng: BIDV thanh toán theo giá trị thực tế khách hàng sử dụng, khách hàng không được hoàn lại số tiền chênh lệch.
- Danh sách nhà hàng tối thiểu áp dụng:

STT	Tên nhà hàng	Địa chỉ	Khu vực
1	STELLAR STEAKHOUSE	InterContinental Hanoi Landmark72, Hanoi Landmark Tower, Lô E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Từ Liêm, Hà Nội	Hà Nội
2	BACKSTAGE	Tầng trệt, Capella Hanoi Hotel, 11 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	Hà Nội
3	THE HUDSON ROOM	Tầng thượng (Rooftop), Capella Hanoi Hotel, 11 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	Hà Nội
4	IZAKAYA BY KOKI	Tầng B1, Capella Hanoi Hotel, 11 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	Hà Nội
5	DIVA's LOUNGE	Sảnh trệt, Capella Hanoi Hotel, 11 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	Hà Nội

6	ROS – DINING & RIVER LOUNGE	Bến Bạch Đằng, 10B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP.HCM	TP.HCM
7	LAI CANTONESE	Tầng 28 Sedona Suites 92-94 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP.HCM	TP.HCM
8	TOWA JAPANESE	Tầng 28 Sedona Suites 92-94 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP.HCM	TP.HCM
9	THE OX NOT ONLY OX	24/24 Đông Du, Phường Sài Gòn, TP.HCM	TP.HCM

Ghi chú: Trong quá trình triển khai dịch vụ, trong trường hợp có thay đổi, bổ sung các địa điểm, nhà thầu sẽ phải thông báo bằng văn bản cho BIDV và nhận được sự chấp thuận từ BIDV.

4.3. Sức khỏe

4.3.1. **Gói khám loại 1:** Khách hàng được tặng gói khám bệnh tổng quát dành cho 1 người, lựa chọn 1 trong 2 gói khám sau: *Gói 1.1 hoặc Gói 1.2*

- Phạm vi khám: tại Việt Nam
- Địa điểm áp dụng:

➤ **Gói 1.1 áp dụng tối thiểu tại các địa điểm sau:**

TT	Tên tỉnh/TP	Tên Bệnh viện
1	Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City
2	Hà Nội	Phòng khám Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City
3	Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Hồng Ngọc
4	Hà Nội	Phòng khám Đa khoa Nhật Bản T-Matsuoka
5	Hà Nội	Phòng khám Raffles Medical Hà Nội
6	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park
7	Hồ Chí Minh	Phòng khám Đa khoa Quốc tế Vinmec Sài Gòn
8	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quốc Tế Mỹ (AIH)
9	Hồ Chí Minh	Phòng khám Raffles Medical Hồ Chí Minh
10	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Đà Nẵng
11	Hải Phòng	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Hải Phòng

12	Khánh Hòa	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Nha Trang
13	An Giang	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Phú Quốc
14	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Hạ Long

Ghi chú: Trong quá trình triển khai dịch vụ, trong trường hợp có thay đổi, bổ sung các địa điểm, nhà thầu sẽ phải thông báo bằng văn bản cho BIDV và nhận được sự chấp thuận từ BIDV.

➤ **Gói 1.2 áp dụng tối thiểu tại các địa điểm sau:**

TT	Tên tỉnh	Tên Bệnh viện
1	An Giang	Bệnh Viện Đa Khoa Nhật Tân
2	Hồ Chí Minh	Phòng Khám Đa Khoa Y Sài Gòn
3	Bắc Ninh	Bệnh Viện Đa Khoa Sông Thương
4	Thái Nguyên	Phòng Khám Đa Khoa Quốc Tế Việt Pháp
5	Cà Mau	Bệnh Viện Đa Khoa Thanh Vũ Bạc Liêu
6	Bắc Ninh	Bệnh Viện Quốc Tế Hoàn Mỹ
7	Vĩnh Long	Bệnh Viện Đa Khoa Minh Đức
8	Gia Lai	Bệnh Viện Bình Định
9	Hồ Chí Minh	Bệnh Viện Hoàn Mỹ Bình Dương
10	Đồng Nai	Bệnh Viện Hoàn Mỹ Bình Phước
11	Lâm Đồng	Bệnh Viện Đa Khoa Tâm Phúc
12	Cà Mau	Bệnh Viện Hoàn Mỹ Minh Hải
13	Cần Thơ	Phòng Khám Đa Khoa Medlatec Cần Thơ
14	Cao Bằng	Bệnh Viện Đa Khoa Hà Nội - Cao Bằng
15	Đắk Lắk	Bệnh Viện Thiện Hạnh
16	Lâm Đồng	Phòng Khám Đa Khoa Nhân Nghĩa
17	Điện Biên	Phòng Khám Đa Khoa Bình An Điện Biên
18	Đồng Nai	Bệnh Viện ITO Đồng Nai – F99 Đ.Võ Thị Sáu, Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
19	Đồng Tháp	Bệnh Viện Đa khoa Trí Tâm Cao Lãnh
20	Gia Lai	Bệnh viện Đại Học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai
21	Tuyên Quang	Bệnh Viện Đa Khoa Đức Minh
22	Ninh Bình	Trung tâm y cao Hoa Hồng (PK Đa Khoa Y Cao Hoa Hồng)
23	Hà Tĩnh	Bệnh Viện Đa Khoa TTH Hà Tĩnh
24	Hải Phòng	Phòng Khám Đa Khoa Thanh Bình
25	Cần Thơ	Phòng Khám Đa Khoa Tâm An

26	Phú Thọ	Phòng Khám Đa Khoa Tư Nhân Hoàng Long
27	Hung Yên	Bệnh viện Đa Khoa Hưng Hà
28	Quảng Ngãi	Bệnh Viện Đa Khoa Vạn Gia An
29	Lai Châu	Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Lai Châu
30	Lâm Đồng	Phòng Khám Đa Khoa Phương Nam
31	Lạng Sơn	Phòng Khám Đa Khoa Quốc Tế Ngọc Lan
32	Lào Cai	Phòng Khám Đa Khoa Hà Nội Lào Cai
33	Tây Ninh	Bệnh Viện Sài Gòn TG
34	Ninh Bình	Phòng Khám Đa Khoa Đông Đô - Hà Nội Chi nhánh Nam Định
35	Nghệ An	Bệnh Viện Đa Khoa 115 Nghệ An
36	Ninh Bình	Phòng Khám Đa Khoa Hoa Lư - Hà Nội
37	Khánh Hòa	Phòng Khám Đa Khoa Thái Hòa
38	Phú Thọ	Phòng Khám Đa Khoa Âu Cơ
39	Đắk Lắk	Phòng Khám Đa Khoa Đức Tín
40	Quảng Trị	Phòng khám Đa khoa MEDLATEC Quảng Bình
41	Đà Nẵng	Bệnh Viện Đa Khoa Thái Bình Dương
42	Quảng Ngãi	Bệnh Viện Đa Khoa Phúc Hưng
43	Quảng Trị	Phòng Khám Đa Khoa Trường An
44	Cần Thơ	Bệnh Viện Hoàng Tuấn
45	Sơn La	Bệnh Viện Đa Khoa Cuộc Sống
46	Tây Ninh	Bệnh Viện Đa Khoa Tư nhân Lê Ngọc Tùng
47	Hung Yên	Phòng Khám Đa Khoa Sao Mai
48	Thái nguyên	Phòng Khám Đa Khoa Minh Đức
49	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Hợp Lực
50	Thừa Thiên Huế	Phòng Khám Đa Khoa Y Pháp Việt
51	Đồng Tháp	Phòng Khám Đa Khoa Dân Quý
52	Vĩnh Long	Bệnh Viện Đa Khoa Thiên Ân
53	Tuyên Quang	Phòng Khám Đa Khoa 153
54	Vĩnh Long	Bệnh Viện Đa Khoa Xuyên Á
55	Phú Thọ	Bệnh Viện Hữu Nghị Lạc Việt
56	Lào Cai	Phòng Khám Đa Khoa Phú Thọ

Ghi chú: Trong quá trình triển khai dịch vụ, trong trường hợp có thay đổi, bổ sung các địa điểm, nhà thầu sẽ phải thông báo bằng văn bản cho BIDV và nhận được sự chấp thuận từ BIDV.

- Chi tiết gói khám 1.1 và 1.2:

TT	Hạng mục khám		Gói 1.1		Gói 1.2	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ
I	Khám lâm sàng					
1	Khám Nội Đa Khoa Tổng Quát	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng các chuyên khoa: Hô hấp, tuần hoàn, tim mạch, thần kinh, cơ xương khớp, tiêu hóa, kết luận gói khám	X	X	X	X
2	Khám kiểm tra huyết áp, cân nặng	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám	X	X	X	X
3	Khám Kiểm Tra Thị Lực	Kiểm tra, phát hiện bất thường về mắt	X	X	X	X
4	Khám kiểm tra răng miệng	Kiểm tra, phát hiện bất thường về Răng miệng	X	X	X	X
5	Kiểm tra TMH	Kiểm tra, phát hiện bất thường về Tai mũi, họng. Phát hiện hạch cổ, hạch dưới hàm, tuyến mang tai.	X	X	X	X
II	Cận lâm sàng - Xét nghiệm					
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Bất thường tăng/giảm số lượng tế bào máu và các thông số liên quan	X	X	X	X
2	Định lượng Cholesterol	Rối loạn chuyển hóa cholesterol đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác	X	X	X	X
3	Định lượng Triglycerid	Rối loạn chuyển hóa triglycerid đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác	X	X	X	X
4	Định lượng HDL-C (High Density lipoprotein Cholesterol)	Giảm trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu	X	X	X	X
5	Định lượng LDL - C (Low Density lipoprotein Cholesterol)	Tăng trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu	X	X	X	X

TT	Hạng mục khám		Gói 1.1		Gói 1.2	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ
6	Đo hoạt độ AST (GOT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	X	X	X	X
7	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	X	X	X	X
8	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	X		X	
9	Định lượng CA 72-4	Tầm soát ung thư dạ dày			X	X
10	Định lượng Cyfra 21- 1	Tầm soát ung thư phổi			X	X
11	Định lượng CA 12-5	Tầm soát ung thư buồng trứng				X
12	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	Dấu ấn sàng lọc ung thư tuyến tiền liệt	X		X	
13	Định lượng CEA	Tầm soát ung thư đường tiêu hoá, đại trực tràng	X	X	X	X
14	Định lượng Creatinin	Đánh giá chức năng lọc của cầu thận, tính eGFR giúp phân độ suy thận	X	X	X	X
15	Định lượng Ure	Hỗ trợ đánh giá chức năng thận, đánh giá hiệu quả sau chạy thận nhân tạo.	X	X	X	X
16	Định lượng Axit uric	Axit uric tăng cao kết hợp với triệu chứng lâm sàng giúp định hướng chẩn đoán bệnh Gout, tuy nhiên một số trường hợp không có triệu chứng lâm sàng hoặc tăng nhẹ nhưng vẫn có thể gây triệu chứng trên lâm sàng	X		X	

TT	Hạng mục khám		Gói 1.1		Gói 1.2	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ
17	Định lượng Glucose	Tiêu chuẩn chẩn đoán tiểu đường, rối loạn dung nạp đường máu	x	x	x	x
18	Định lượng Canxi trong máu		x	x	x	x
19	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	Sự xuất hiện của bạch cầu, hồng cầu, nitrite là chỉ điểm quan trọng để sơ bộ chẩn đoán các bệnh lý như viêm đường tiết niệu.	x	x	x	x
III	KHÁM PHỤ KHOA					
1	KSK_Khám phụ khoa, khám vú	Đánh giá yếu tố nguy cơ, khám kiểm tra vú, phụ khoa, tư vấn và kết luận về bệnh lý vú và phụ khoa sau khi có kết quả xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh.		x		x
2	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	Phát hiện bệnh lý và dị dạng ở tử cung và phần phụ		x		x
3	Siêu âm tuyến vú	Đánh giá hình ảnh giải phẫu tuyến vú: kích thước, đậm độ âm, có nhân không, số lượng nhân		x		x
4	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Pap smear	Phát hiện tế bào biến đổi bất thường, phân độ biến đổi tế bào				x
IV	Cận lâm sàng - CDHA					
1	Chụp Xquang ngực thẳng	Xquang tim phổi thẳng là thăm dò hình ảnh ban đầu có giá trị trong đánh các bệnh lý về phổi, ngoài ra nó còn cung cấp hình ảnh cấu trúc tim, mạch máu và các tổ chức khác ở lồng ngực.	x	x	x	x

TT	Hạng mục khám		Gói 1.1		Gói 1.2	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ
2	Siêu âm ổ bụng (tổng quát)	Kiểm tra hình ảnh các chức năng của nội tạng	x	x	x	x
3	Siêu âm tiền liệt tuyến qua đường bụng	Đánh giá hình ảnh, ước tính trọng lượng của tiền liệt tuyến, phát hiện hình ảnh bất thường của tiền liệt tuyến.	x		x	
4	Siêu âm tuyến giáp	Đánh giá hình ảnh giải phẫu tuyến giáp: kích thước, đậm độ âm, có nhân không, số lượng nhân	x	x	x	x
5	Siêu âm tim	Kiểm tra các bệnh lý về tim mạch			x	x
6	Điện tim thường (ECG)	Thăm dò về mặt điện học của tim qua đó cung cấp thông tin về: - Bệnh lý rối loạn nhịp hoặc dẫn truyền trong tim - Các hình ảnh gợi ý tăng gánh thất trái - Hình ảnh gợi ý thiếu máu cơ tim	x	x	x	x

4.3.2. **Gói khám loại 2:** Khách hàng được tặng gói khám bệnh tổng quát dành cho 1 người, lựa chọn 1 trong 2 gói khám sau: *Gói 2.1* hoặc *Gói 2.2*

- **Địa điểm khám:** tại Việt Nam
- + **Gói 2.1 áp dụng tối thiểu tại các địa điểm sau:**

TT	Tên tỉnh	Tên Bệnh viện
1	Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City
2	Hà Nội	Phòng khám Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City
3	Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Hồng Ngọc
4	Hà Nội	Phòng khám Đa khoa Nhật Bản T-Matsuoka
5	Hà Nội	Phòng khám Raffles Medical Hà Nội
6	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Central Park
7	Hồ Chí Minh	Phòng khám Đa khoa Quốc tế Vinmec Sài Gòn
8	Hồ Chí Minh	Bệnh viện Quốc Tế Mỹ (AIH)
9	Hồ Chí Minh	Phòng khám Raffles Medical Hồ Chí Minh
10	Đà Nẵng	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Đà Nẵng
11	Hải Phòng	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Hải Phòng
12	Khánh Hòa	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Nha Trang
13	Kiên Giang	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Phú Quốc
14	Quảng Ninh	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Hạ Long

Ghi chú: Trong quá trình triển khai dịch vụ, trong trường hợp có thay đổi, bổ sung các địa điểm, nhà thầu sẽ phải thông báo bằng văn bản cho BIDV và nhận được sự chấp thuận từ BIDV.

+ **Gói 2.2 áp dụng tối thiểu tại các địa điểm sau**

TT	Tên tỉnh/TP	Tên Bệnh viện
1	An Giang	Bệnh Viện Đa Khoa Nhật Tân
2	Hồ Chí Minh	Phòng Khám Đa Khoa Y Sài Gòn
3	Bắc Ninh	Bệnh Viện Đa Khoa Sông Thương
4	Thái Nguyên	Phòng Khám Đa Khoa Quốc Tế Việt Pháp
5	Cà Mau	Bệnh Viện Đa Khoa Thanh Vũ Bạc Liêu
6	Bắc Ninh	Bệnh Viện Quốc Tế Hoàn Mỹ
7	Vĩnh Long	Bệnh Viện Đa Khoa Minh Đức
8	Gia Lai	Bệnh Viện Bình Định
9	Hồ Chí Minh	Bệnh Viện Hoàn Mỹ Bình Dương
10	Đồng Nai	Bệnh Viện Hoàn Mỹ Bình Phước
11	Lâm Đồng	Bệnh Viện Đa Khoa Tâm Phúc
12	Cà Mau	Bệnh Viện Hoàn Mỹ Minh Hải
13	Cần Thơ	Phòng Khám Đa Khoa Medlatec Cần Thơ
14	Cao Bằng	Bệnh Viện Đa Khoa Hà Nội - Cao Bằng
15	Đắk Lắk	Bệnh Viện Thiện Hạnh
16	Đắk Nông	Phòng Khám Đa Khoa Nhân Nghĩa
17	Điện Biên	Phòng Khám Đa Khoa Bình An Điện Biên
18	Đồng Nai	Bệnh Viện ITO Đồng Nai - F99 Đ. Võ Thị Sáu, Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
19	Đồng Tháp	Bệnh Viện Đa khoa Trí Tâm Cao Lãnh
20	Gia Lai	Bệnh viện Đại Học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai
21	Tuyên Quang	Bệnh Viện Đa Khoa Đức Minh
22	Ninh Bình	Trung tâm y cao Hoa Hồng (PK Đa Khoa Y Cao Hoa Hồng)
23	Hà Tĩnh	Bệnh Viện Đa Khoa TTH Hà Tĩnh

24	Hải Phòng	Phòng Khám Đa Khoa Thanh Bình
25	Cần Thơ	Phòng Khám Đa Khoa Tâm An
26	Phú Thọ	Phòng Khám Đa Khoa Tư Nhân Hoàng Long
27	Hung Yên	Bệnh viện Đa Khoa Hưng Hà
28	Quảng Ngãi	Bệnh Viện Đa Khoa Vạn Gia An
29	Lai Châu	Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Lai Châu
30	Lâm Đồng	Phòng Khám Đa Khoa Phương Nam
31	Lạng Sơn	Phòng Khám Đa Khoa Quốc Tế Ngọc Lan
32	Lào Cai	Phòng Khám Đa Khoa Hà Nội Lào Cai
33	Tây Ninh	Bệnh Viện Sài Gòn TG
34	Ninh Bình	Phòng Khám Đa Khoa Đông Đô - Hà Nội Chi nhánh Nam Định
35	Nghệ An	Bệnh Viện Đa Khoa 115 Nghệ An
36	Ninh Bình	Phòng Khám Đa Khoa Hoa Lư - Hà Nội
37	Khánh Hòa	Phòng Khám Đa Khoa Thái Hòa
38	Phú Thọ	Phòng Khám Đa Khoa Âu Cơ
39	Đắk Lắk	Phòng Khám Đa Khoa Đức Tín
40	Quảng Trị	Phòng khám Đa khoa MEDLATEC Quảng Bình
41	Đà Nẵng	Bệnh Viện Đa Khoa Thái Bình Dương
42	Quảng Ngãi	Bệnh Viện Đa Khoa Phúc Hưng
43	Quảng Trị	Phòng Khám Đa Khoa Trường An
44	Cần Thơ	Bệnh Viện Hoàng Tuấn
45	Sơn La	Bệnh Viện Đa Khoa Cuộc Sống
46	Tây Ninh	Bệnh Viện Đa Khoa Tư nhân Lê Ngọc Tùng
47	Hung Yên	Phòng Khám Đa Khoa Sao Mai
48	Thái nguyên	Phòng Khám Đa Khoa Minh Đức
49	Thanh Hóa	Bệnh Viện Đa Khoa Hợp Lực
50	Thừa Thiên Huế	Phòng Khám Đa Khoa Y Pháp Việt

51	Đồng Tháp	Phòng Khám Đa Khoa Dân Quý
52	Vĩnh Long	Bệnh Viện Đa Khoa Thiên Ân
53	Tuyên Quang	Phòng Khám Đa Khoa 153
54	Vĩnh Long	Bệnh Viện Đa Khoa Xuyên Á
55	Phú Thọ	Bệnh Viện Hữu Nghị Lạc Việt
56	Lào Cai	Phòng Khám Đa Khoa Phú Thọ

Ghi chú: Trong quá trình triển khai dịch vụ, trong trường hợp có thay đổi, bổ sung các địa điểm, nhà thầu sẽ phải thông báo bằng văn bản cho BIDV và nhận được sự chấp thuận từ BIDV.

Chi tiết gói khám 2.1

- Chi tiết gói khám 2.1 :

TT	Hạng mục khám		Gói 2.1	
			Nam	Nữ
I	Khám lâm sàng			
1	Khám Nội Đa Khoa Tổng Quát	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng các chuyên khoa: Hô hấp, tuần hoàn, tim mạch, thần kinh, cơ xương khớp, tiêu hóa, kết luận gói khám	x	x
2	Khám kiểm tra huyết áp, cân nặng	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám	x	x
3	Khám Kiểm Tra Thị Lực	Kiểm tra, phát hiện bất thường về mắt	x	x
4	Khám kiểm tra răng miệng	Kiểm tra, phát hiện bất thường về Răng miệng	x	x
5	Kiểm tra TMH	Kiểm tra, phát hiện bất thường về Tai mũi, họng. Phát hiện hạch cổ, hạch dưới hàm, tuyến mang tai.	x	x
II	Cận lâm sàng - Xét nghiệm			
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Bất thường tăng/giảm số lượng tế bào máu và các thông số liên quan	x	x
2	Định lượng Cholesterol	Rối loạn chuyển hóa cholesterol đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác	x	x
3	Định lượng Triglycerid	Rối loạn chuyển hóa triglycerid đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác	x	x
4	Định lượng HDL-C (High density lipoproteinCholesterol)	Giảm trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu	x	x

TT	Hạng mục khám		Gói 2.1	
			Nam	Nữ
5	Định lượng LDL - C (Low Density lipoprotein Cholesterol)	Tăng trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu	x	x
6	Đo hoạt độ AST (GOT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	x	x
7	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	x	x
8	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	x	
9	Định lượng CA 72-4	Tầm soát ung thư dạ dày	x	x
10	Định lượng Cyfra 21- 1	Tầm soát ung thư phổi	x	x
11	Định lượng CA 12-5	Tầm soát ung thư buồng trứng		x
12	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	Dấu ấn sàng lọc ung thư tuyến tiền liệt	x	
13	Định lượng CEA	Tầm soát ung thư đường tiêu hoá, đại trực tràng	x	x
14	Định lượng Creatinin	Đánh giá chức năng lọc của cầu thận, tính eGFR giúp phân độ suy thận	x	x
15	Định lượng Ure	Hỗ trợ đánh giá chức năng thận, đánh giá hiệu quả sau chạy thận nhân tạo.	x	x
16	Định lượng Axit uric	Axit uric tăng cao kết hợp với triệu chứng lâm sàng giúp định hướng chẩn đoán bệnh Gout, tuy nhiên một số trường hợp không có triệu chứng lâm sàng hoặc tăng nhẹ nhưng vẫn có thể gây triệu chứng trên lâm sàng	x	
17	Định lượng Glucose	Tiêu chuẩn chẩn đoán tiểu đường, rối loạn dung nạp đường máu	x	x
18	Định lượng Canxi trong máu		x	x

TT	Hạng mục khám		Gói 2.1	
			Nam	Nữ
III	KHÁM PHỤ KHOA			
1	KSK_Khám phụ khoa, khám vú	Đánh giá yếu tố nguy cơ, khám kiểm tra vú, phụ khoa, tư vấn và kết luận về bệnh lý vú và phụ khoa sau khi có kết quả xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh.		x
2	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	Phát hiện bệnh lý và dị dạng ở tử cung và phần phụ		x
3	Siêu âm tuyến vú	Đánh giá hình ảnh giải phẫu tuyến vú: kích thước, đậm độ âm, có nhân không, số lượng nhân		x
4	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Pap mear	Phát hiện tế bào biến đổi bất thường, phân độ biến đổi tế bào		x
IV	Cận lâm sàng - CDHA			
1	Chụp Xquang ngực thẳng	Xquang tim phổi thẳng là thăm dò hình ảnh ban đầu có giá trị trong đánh các bệnh lý về phổi, ngoài ra nó còn cung cấp hình ảnh cấu trúc tim, mạch máu và các tổ chức khác ở lồng ngực.	x	x
2	Siêu âm ổ bụng (tổng quát)	Kiểm tra hình ảnh các chức năng của nội tạng	x	x
3	Siêu âm tiền liệt tuyến qua đường bụng	Đánh giá hình ảnh, ước tính trọng lượng của tiền liệt tuyến, phát hiện hình ảnh bất thường của tiền liệt tuyến.	x	
4	Siêu âm tuyến giáp	Đánh giá hình ảnh giải phẫu tuyến giáp: kích thước, đậm độ âm, có nhân không, số lượng nhân	x	x
5	Siêu âm tim	Kiểm tra các bệnh lý về tim mạch	x	x
6	Điện tim thường (ECG)	Thăm dò về mặt điện học của tim qua đó cung cấp thông tin về: - Bệnh lý rối loạn nhịp hoặc dẫn truyền trong tim - Các hình ảnh gợi ý tăng gánh thất trái - Hình ảnh gợi ý thiếu máu cơ tim	x	x

- **Gói 2.2:** Bao gồm các hạng mục khám của Gói 2.1 và bổ sung thêm các hạng mục tầm soát ung thư gan (Định lượng AFP) và tầm soát bệnh lý tuyến giáp (xét nghiệm FT3, FT4, TSH).

4.3.3. Gói khám loại 3:

- **Địa điểm khám:** Bệnh viện đa khoa Vinmec và Phòng khám Đa khoa Nhật Bản T-Matsuoka. Trong quá trình triển khai dịch vụ, trong trường hợp có thay đổi, bổ sung các địa điểm, nhà thầu sẽ phải thông báo bằng văn bản cho BIDV và nhận được sự chấp thuận từ BIDV.
- **Chi tiết gói khám:** Khách hàng được tặng gói khám (*Gói 3*) dành cho 1 người với hạng mục như sau:

STT	Hạng mục khám	Gói 3	
		Nam	Nữ
I	Khám lâm sàng		
1	KSK_Khám Nội Đa Khoa Tổng Quát	x	x
2	KSK_Kiểm tra huyết áp, cân nặng (Điều dưỡng)	x	x
3	KSK_Khám thị lực	x	x
4	KSK_Kiểm tra thị lực (Điều dưỡng)	x	x
5	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...) [Đo nhãn áp (1 lần)]	x	x
6	KSK_Khám kiểm tra răng miệng	x	x
8	Khám tai mũi họng với nội soi (có hẹn/ không hẹn)	x	x
II	Cận lâm sàng - Xét nghiệm		
9	Định lượng Calci toàn phần	x	x
10	Định lượng Calci ion hóa	x	x
11	Định lượng 25OH Vitamin D (D3)	x	x
12	Định lượng ZPP (Zinc Proto Phorphyrin) [Kẽm máu]	x	x
13	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x	x
14	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	x
15	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	x
16	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	x	x
17	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x
18	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x	x
19	Định lượng Bilirubin gián tiếp	x	x
20	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	x	x
21	Định lượng proBNP (NT-proBNP)	x	x
22	Định lượng Cholesterol	x	x
23	Định lượng Triglycerid	x	x

24	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	x	x
25	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	x	x
26	Định lượng Creatinin	x	x
27	Định lượng Ure	x	x
28	Độ lọc cầu thận ước tính (eGFR)	x	x
29	Định lượng Axit uric	x	x
30	Định lượng Glucose	x	x
31	Định lượng HbA1c	x	x
32	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	x	x
33	Định lượng Protein toàn phần	x	x
34	Định lượng Albumin	x	x
35	Định lượng sắt huyết thanh	x	x
36	Định lượng Ferritin	x	x
37	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)	x	x
38	Định lượng LDH	x	x
39	Đo hoạt độ Amylase	x	x
40	Định nhóm máu hệ ABO, Rh (D) trên hệ thống máy tự động hoàn toàn	x	x
41	HBsAg miễn dịch tự động	x	x
42	HBsAb định lượng	x	x
43	HBc total miễn dịch tự động	x	x
44	HCV Ab miễn dịch tự động	x	x
45	HAV total miễn dịch tự động	x	x
46	HAV IgM miễn dịch tự động	x	x
47	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	x	x
48	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	x	x
49	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine)	x	x
50	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	x	
51	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen)	x	
52	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)		x
53	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	x	x
54	Định lượng AFP-L3	x	x
55	Định lượng PIVKA (Proteins Induced by Vitamin K Antagonism or Absence) [PIVKA II]	x	x
56	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	x	x

57	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động) [Soi cận nước tiểu]	x	x
58	Hồng cầu trong phân test nhanh	x	x
III	Cận lâm sàng - Chẩn đoán hình ảnh		
59	Chụp Xquang răng toàn cảnh	x	x
60	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	x
61	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	x	x
62	Siêu âm tuyến giáp	x	x
63	Điện tim thường	x	x
64	Đo độ loãng xương bằng siêu âm	x	x
65	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x
66	Chụp Xquang ngực thẳng	x	x
67	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	x	x
68	Đánh giá hệ mỡ cơ thể bằng CT Scan	x	x
69	Khám CK Nội tiêu hóa (có hẹn)	x	x
70	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng (với máy NBI, có gây mê)	x	x
71	Nội soi dạ dày có gây mê (thuốc)	x	x
72	Nội soi dạ dày có gây mê (VTTH)	x	x
73	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyên, đúc, cắt, nhuộm...các bệnh phẩm sinh thiết (ống tiêu hóa trên (thực quản, dạ dày, tá tràng, papilla) qua nội soi)	x	x
74	Siêu âm tuyến vú hai bên		x
75	Chụp Xquang tuyến vú (2 bên)		x
IV	Khám phụ khoa		
76	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Liqui Prep		x
77	KSK_Khám phụ khoa, khám vú		x
74	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng [Siêu âm phụ khoa thường quy]		x

4.3.4. Gói khám loại 4:

- **Địa điểm khám:** Áp dụng tại các bệnh viện thuộc top đầu tại Việt Nam, Singapore. Tối thiểu tại các Bệnh viện sau: Phòng khám ĐK T-Matsuoka – Việt Nam, Bệnh viện Vinmec – Việt Nam, Bệnh viện Raffles – Singapore, Bệnh viện Parkway – Singapore, Bệnh viện Singhealth – Singapore. Trong quá trình triển khai dịch vụ, trong trường hợp có thay đổi, bổ sung các địa điểm, nhà thầu sẽ phải thông báo bằng văn bản cho BIDV và nhận được sự chấp thuận từ BIDV.
- **Chi tiết gói khám:** Khách hàng được tặng gói khám dành cho 1 người, lựa chọn 1 trong 5 gói khám sau:
 - ❖ **Tại Việt Nam:** Gói 4.1, 4.2, cụ thể:

TT	Hạng mục khám	Gói 4.1 khám tại Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka	Gói 4.2 khám tại Bệnh Viện Quốc Tế Vinmec
I	Khám lâm sàng		
1	Khám nội tổng quát	X	X
2	Lập Hồ sơ & Kế hoạch chăm sóc sức khỏe chủ động 1 năm	X	
3	Đọc kết quả Chẩn đoán hình ảnh bởi Chuyên gia Chẩn đoán hình ảnh Nhật Bản (khi phát hiện có bất thường)	X	
4	Kết luận và tư vấn sức khỏe cùng chuyên gia	X	X
5	Khám chuyên khoa Cơ xương khớp	X	X
6	Khám chuyên khoa mắt (soi sinh hiển vi và đo thị lực)	X	X
7	Khám chuyên khoa tai mũi họng	X	X
8	Khai thác tiền sử & đo chỉ số sinh tồn	X	X
9	Khám chuyên khoa phụ khoa (nữ)	X	X
II	Xét nghiệm		
1	Định lượng Axit uric	X	X
2	HIV test nhanh	X	
3	Anti HBs miễn dịch tự động	X	X
4	Đo hoạt độ Amylase	X	X
5	Định lượng 25OH Vitamin D (D3)	X	X
6	Định lượng Sắt huyết thanh	X	X
7	Định lượng Ferritin	X	X
8	Định lượng Canxi ion	X	X
9	Định lượng Canxi toàn phần	X	X
10	Định lượng LDH	X	X
11	Định lượng Albumin máu	X	X
12	Định lượng Protein toàn phần	X	X
13	Định lượng Bilirubin toàn phần	X	X
14	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	X	X

15	HCV ab miễn dịch tự động	X	X
16	HBsAg miễn dịch tự động	X	X
17	Định lượng Acid uric	X	X
18	Đông máu cơ bản	X	X
19	Định lượng D-Dimer	X	X
20	Định lượng CRP	X	X
21	Định lượng proBNP	X	X
22	Định lượng HbA1c	X	X
23	Định lượng Ure trong máu	X	X
24	Đo hoạt độ ALT (GPT)	X	X
25	Đo hoạt độ AST (GOT)	X	X
26	Đo hoạt độ GGT	X	X
27	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	X	X
28	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	X	X
29	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine)	X	X
30	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) (nam)	X	X
31	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) (nam)	X	X
32	Làm test Hp (Urease)	X	X
33	Vi khuẩn nhuộm soi (dịch âm đạo) (nữ)	X	X
34	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Thin Prep (nữ)	X	X
35	Tổng phân tích nước tiểu 11 thông số	X	X
36	Định lượng CA 15-3 (nữ)	X	
37	Định lượng CA 12-5 (nữ)	X	X
38	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9)	X	
39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	X	
40	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen)	X	
41	Định lượng Cyfra 21-1	X	
42	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	X	X
43	Định lượng Glucose	X	X
44	Định lượng Creatinin	X	X
45	Định lượng HDL-C	X	X
46	Định lượng LDL-C	X	X
47	Định lượng Triglyceride	X	X
48	Định lượng Cholesterol	X	X
49	Xét nghiệm nhóm máu ABO, Rh	X	X
50	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi 22 thông số	X	X
III	Thăm dò chức năng		
1	Dịch vụ gây mê nội soi tiêu hóa (trên+dưới)	X	X
2	Nội soi đại tràng toàn bộ thông thường	X	X
3	Nội soi đường tiêu hóa trên (Thực quản-dạ dày-tá tràng) thông	X	X

	thường		
4	Nội soi cổ tử cung (nữ)	x	
5	Nội soi tai mũi họng	x	x
6	Đo độ khúc xạ	x	x
7	Đo nhãn áp	x	x
8	Chụp ảnh đáy mắt	x	x
9	Đo chức năng hô hấp	x	x
10	Đo mật độ xương toàn thân	x	x
11	Đo tình trạng xơ cứng động mạch	x	
12	Điện tim	x	x
13	Đo thính lực	x	x
IV	Chẩn đoán hình ảnh		
1	Siêu âm đàn hồi mô gan	x	
2	Chụp CLVT 128 dãy tính điểm vôi hóa hệ động mạch vành (không tiêm thuốc cản quang)	x	
3	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...) (Máy 1.5 Tesla)	NIN LITE không có	
4	Chụp cộng hưởng từ cột sống toàn trục - Bụng trên - DWIBS (khuếch tán toàn thân) (Máy 1.5 Tesla)	NIN LITE không có	x
5	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não, không tiêm chất tương phản (Máy 1.5 Tesla)	x	
6	Chụp CLVT ngực - bụng tiểu khung kèm đánh giá mỡ nội tạng (không tiêm thuốc cản quang)	x	
7	Chụp X-quang tuyến vú 2 bên (Mammography) (nữ)	x	x
8	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới hai bên	NIN LITE không có	
9	Siêu âm Doppler hệ động mạch cảnh – sọ ngoài sọ	x	
10	Siêu âm Doppler tim, màng tim qua thành ngực	x	x
11	Siêu âm tinh hoàn - Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên (nam)	x	
12	Siêu âm tuyến vú hai bên (nữ)	x	x
13	Siêu âm vùng cổ (tuyến giáp, hạch, tuyến nước bọt)	x	
14	Siêu âm ổ bụng tổng quát	x	x
V	Dịch vụ bác sĩ riêng chăm sóc sau khám		
1	Lập hồ sơ gửi các chuyên gia đầu ngành/ bác sĩ chuyên khoa khi có chỉ định thăm khám điều trị chuyên sâu nội/ngoại trú.	x	
2	Chủ động theo dõi, đánh giá thường xuyên các chỉ số liên quan đến sức khỏe theo kế hoạch chăm sóc đã được lập		

	(Qua điện thoại hoặc các lần thăm khám).	x	
3	Chủ động nhắc nhở lịch chăm sóc sức khỏe (Lịch khám, sử dụng thuốc, tiêm chủng...)	x	
4	Tư vấn miễn phí, hướng dẫn xử lý tình huống y tế khẩn cấp với BSR/Dược sĩ/ Điều dưỡng qua điện thoại (Bác sĩ sẽ xác nhận có thể đảm bảo yếu tố chuyên môn thông qua tư vấn điện thoại không hay vẫn cần thăm khám trực tiếp)	x	
5	Tham dự các buổi sinh hoạt về y học thường thức, dinh dưỡng, tập luyện, cải thiện sức khỏe. Xua tan gánh nặng, sống chung an toàn với bệnh mãn tính.	x	
6	Kiểm tra sức khỏe tại nhà với Điều dưỡng/Bác sĩ riêng	x	
7	Khám bệnh phát sinh theo yêu cầu tại T-Matsuoka hoặc Telehealth	x	
8	Khám định kì/theo dõi sức khỏe với Bác sĩ riêng hoặc Telehealth	x	
9	Quản lý hồ sơ, lập báo cáo y tế hàng tháng/quý/năm	x	
10	Liên tục điều chỉnh kế hoạch chăm sóc theo mức độ cải thiện sức khỏe của khách hàng	x	
11	Khảo sát tiền sử bệnh tật gia đình, lập cây phả hệ theo dõi các bệnh lý liên quan yếu tố di truyền	x	
12	Lập Hồ sơ & Kế hoạch chăm sóc sức khỏe chủ động 1 năm	x	

❖ Tại Singapore: Gói 4.3, 4.4, 4.5, cụ thể:

TT	Hạng mục khám		Gói 4.3 khám tại Raffles		Gói 4.4 khám tại Parkway		Gói 4.5 khám tại Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
I	Khám lâm sàng							
1	Khám Nội Đa Khoa Tổng Quát	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng các chuyên khoa: Hô hấp, tuần hoàn, tim mạch, thần kinh, cơ xương khớp, tiêu hóa, kết luận gói khám	x	x	x	x	x	x
2	Khám kiểm tra huyết áp, cân nặng	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám	x	x	x	x	x	x

3	Khám Kiểm Tra Thị Lực	Kiểm tra, phát hiện bất thường về mắt	X	X				
4	Phân Tích Thành Phần Cơ Thể	Đo lường lượng mỡ và cơ trong cơ thể	X	X	X	X	X	X
5	Khám mắt	Thị lực, thị giác màu, đo áp lực nhãn cầu, chụp võng mạc			X	X		
II Cận lâm sàng - Xét nghiệm								
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Bất thường tăng/giảm số lượng tế bào máu và các thông số liên quan	X	X	X	X	X	X
2	Định lượng Cholesterol	Rối loạn chuyển hóa cholesterol đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác						
3	Định lượng Triglycerid	Rối loạn chuyển hóa triglycerid đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác						
4	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Giảm trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu	X	X	X	X	X	X
5	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Tăng trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu						
6	Đo hoạt độ AST (GOT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan						
7	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan						
8	Định lượng CA 12-5	Tầm soát ung thư buồng trứng	X	X				
9	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	Dấu ấn sàng lọc ung thư tuyến tiền liệt	X		X		X	
10	Định lượng CEA	Tầm soát ung thư đường tiêu hoá, đại trực tràng	X	X	X	X	X	X
11	Định lượng Creatinin	Đánh giá chức năng lọc của cầu thận, tính eGFR giúp phân độ suy thận			X	X	X	X
12	Định lượng Ure	Hỗ trợ đánh giá chức năng thận, đánh giá hiệu quả sau chạy thận nhân tạo.						
		Axit uric tăng cao kết hợp với triệu						

13	Định lượng Axit uric	chứng lâm sàng giúp định hướng chẩn đoán bệnh Gout, tuy nhiên một số trường hợp không có triệu chứng lâm sàng hoặc tăng nhẹ nhưng vẫn có thể gây triệu chứng trên lâm sàng	X	X	X	X	X	X
14	Định lượng Glucose	Tiêu chuẩn chẩn đoán tiểu đường, rối loạn dung nạp đường máu	X	X	X	X		
15	Đường máu HbA1c (tầm soát bệnh tiểu đường)		X	X	X	X		
16	Định lượng Canxi trong máu		X	X	X	X		
17	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	Sự xuất hiện của bạch cầu, hồng cầu, nitrite là chỉ điểm quan trọng để sơ bộ chẩn đoán các bệnh lý như viêm đường tiết niệu.	X	X	X	X	X	X
18	Tỷ lệ Microalbumin/Creatinine niệu		X	X	X	X	X	X
19	Máu lắng (ESR)		X	X				
20	Tầm soát bệnh lý tuyến giáp (T4 & TSH)		X	X	X	X	X	X
21	Miễn dịch: Yếu tố viêm khớp dạng thấp (RF)		X	X				
22	Tầm soát bệnh tim mạch (HS CRP)		X	X				
23	Vitamin D		X	X	X	X	X	X
24	Tầm soát thiếu máu (B12)		X	X				
25	Tầm soát thiếu máu (Folate)		X	X				
26	Sắt		X	X				
27	Ferritin		X	X				
28	Tầm soát Viêm gan A		X	X	X	X	X	X
29	Tầm soát Viêm gan B		X	X	X	X	X	X

30	Tầm soát Viêm gan C		X	X	X	X	X	X
31	Tầm soát HIV		X	X				
32	Tầm soát bệnh lây qua đường tình dục (VDRL / TPHA)		X	X				
33	Rubella IgG		X	X				
34	Dấu ấn Ung thư - Gan (AFP)				X	X	X	X
35	Dấu ấn Ung thư - Tuyến tụy (CA 19.9)		X	X	X	X	X	X
36	Dấu ấn Ung thư -Tai Mũi Họng (EBV)		X	X	X	X		
37	Dấu ấn Ung thư - Phôi (Cyfra21)		X					
38	Xét nghiệm máu ấn phân		X	X	X	X	X	X
39	Helicobacter Pylori IgG		X	X				
40	Dấu ấn Ung thư - Buồng trứng (CA 125)		X	X		X		X
41	Dấu ấn Ung thư - Vú (CA 15.3)			X		X		
42	Dấu ấn Ung thư- Tế bào mầm (B-HCG)		X	X				
43	Nội tiết tố (Testosterone)		X					
44	Magnesium		X	X				
45	Insulin		X	X				
46	Measle Virus IgG		X	X				
47	XN chẩn đoán sớm ung thư dạ dày		X	X				
III KHÁM PHỤ KHOA								
1	Siêu âm tuyến vú	Đánh giá hình ảnh giải phẫu tuyến vú: kích thước, đậm độ âm, có nhân không, số lượng nhân		X				

TT	Hạng mục khám		Gói 4.3 khám tại Raffles		Gói 4.4 khám tại Parkway		Gói 4.5 khám tại Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
2	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Pap smear	Phát hiện tế bào biến đổi bất thường, phân độ biến đổi tế bào				X		X
3	Siêu âm vùng chậu							X
4	Chụp nhũ ảnh							X
IV	Cận lâm sàng - CDHA							
1	Chụp Xquang ngực thẳng	Xquang tim phổi thẳng là thăm dò hình ảnh ban đầu có giá trị trong đánh các bệnh lý về phổi, ngoài ra nó còn cung cấp hình ảnh cấu trúc tim, mạch máu và các tổ chức khác ở lồng ngực.			X	X	X	X
2	Siêu âm ổ bụng (tổng quát)	Kiểm tra hình ảnh các chức năng của nội tạng	X	X	X	X	X	X
3	Siêu âm tuyến giáp	Đánh giá hình ảnh giải phẫu tuyến giáp: kích thước, đậm độ âm, có nhân không, số lượng nhân	X	X	X	X		
4	Điện tim thường (ECG)	Thăm dò về mặt điện học của tim qua đó cung cấp thông tin về: - Bệnh lý rối loạn nhịp hoặc dẫn truyền trong tim - Các hình ảnh gợi ý tăng gánh thất trái - Hình ảnh gợi ý thiếu máu cơ tim			X	X	X	X
5	Điện tim gắng sức				X	X	X	X

4.3.5. Gói khám loại 5

- **Địa điểm khám:** Áp dụng tại các bệnh viện thuộc top đầu tại Việt Nam, Singapore và Nhật Bản. Tối thiểu tại các Bệnh viện sau: Phòng khám đa khoa T-Matsuoka- Việt Nam, Bệnh viện Raffles – Singapore, Bệnh viện Parkway – Singapore, Bệnh viện Singhealth - Singapore, Bệnh viện Ariake – Nhật Bản. Trong quá trình triển khai dịch vụ, trong trường hợp có thay đổi, bổ sung các địa điểm, nhà thầu sẽ phải thông báo bằng văn bản cho BIDV và nhận được sự chấp thuận từ BIDV.
- **Chi tiết gói khám:** Khách hàng được tặng gói khám dành cho 1 người, lựa chọn 1 trong 5 gói khám sau:
 - ❖ **Tại Việt Nam:** Gói 5.1

TT	Danh sách dịch vụ khám	Gói 5.1 khám tại Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka
I	Khám lâm sàng	
1	Khám nội tổng quát	x
2	Lập Hồ sơ & Kế hoạch chăm sóc sức khỏe chủ động 1 năm	x
3	Đọc kết quả Chẩn đoán hình ảnh bởi Chuyên gia Chẩn đoán hình ảnh Nhật Bản (khi phát hiện có bất thường)	x
4	Kết luận và tư vấn sức khỏe cùng chuyên gia	x
5	Khám chuyên khoa Cơ xương khớp	x
6	Khám chuyên khoa mắt (soi sinh hiển vi và đo thị lực)	x
7	Khám chuyên khoa tai mũi họng	x
8	Khai thác tiền sử & đo chỉ số sinh tồn	x
9	Khám chuyên khoa phụ khoa (nữ)	x
II	Xét nghiệm	
1	Định lượng Axit uric	x

TT	Danh sách dịch vụ khám	Gói 5.1 khám tại Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka
2	HIV test nhanh	x
3	Anti HBs miễn dịch tự động	x
4	Đo hoạt độ Amylase	x
5	Định lượng 25OH Vitamin D (D3)	x
6	Định lượng Sắt huyết thanh	x
7	Định lượng Ferritin	x
8	Định lượng Canxi ion	x
9	Định lượng Canxi toàn phần	x
10	Định lượng LDH	x
11	Định lượng Albumin máu	x
12	Định lượng Protein toàn phần	x
13	Định lượng Bilirubin toàn phần	x
14	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x
15	HCV ab miễn dịch tự động	x
16	HBsAg miễn dịch tự động	x
17	Định lượng Acid uric	x
18	Đông máu cơ bản	x
19	Định lượng D-Dimer	x
20	Định lượng CRP	x
21	Định lượng proBNP	x
22	Định lượng HbA1c	x
23	Định lượng Ure trong máu	x
24	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x
25	Đo hoạt độ AST (GOT)	x
26	Đo hoạt độ GGT	x
27	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	x
28	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	x

TT	Danh sách dịch vụ khám	Gói 5.1 khám tại Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka
29	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine)	x
30	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) (nam)	x
31	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) (nam)	x
32	Làm test Hp (Urease)	x
33	Vi khuẩn nhuộm soi (dịch âm đạo) (nữ)	x
34	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Thin Prep (nữ)	x
35	Tổng phân tích nước tiểu 11 thông số	x
36	Định lượng CA 15-3 (nữ)	x
37	Định lượng CA 12-5 (nữ)	x
38	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9)	x
39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	x
40	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen)	x
41	Định lượng Cyfra 21-1	x
42	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	x
43	Định lượng Glucose	x
44	Định lượng Creatinin	x
45	Định lượng HDL-C	x
46	Định lượng LDL-C	x
47	Định lượng Triglyceride	x

TT	Danh sách dịch vụ khám	Gói 5.1 khám tại Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka
48	Định lượng Cholesterol	x
49	Xét nghiệm nhóm máu ABO, Rh	x
50	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi 22 thông số	x
III	Thăm dò chức năng	
1	Dịch vụ gây mê nội soi tiêu hóa (trên+dưới)	x
2	Nội soi đại tràng toàn bộ thông thường	x
3	Nội soi đường tiêu hóa trên (Thực quản-dạ dày-tá tràng) thông thường	x
4	Nội soi cổ tử cung (nữ)	x
5	Nội soi tai mũi họng	x
6	Đo độ khúc xạ	x
7	Đo nhãn áp	x
8	Chụp ảnh đáy mắt	x
9	Đo chức năng hô hấp	x
10	Đo mật độ xương toàn thân	x
11	Đo tình trạng xơ cứng động mạch	x
12	Điện tim	x
13	Đo thính lực	x
IV	Chẩn đoán hình ảnh	
1	Siêu âm đàn hồi mô gan	đã có trong dịch vụ Chụp cộng hưởng từ cột sống toàn trục - Bụng trên - DWIBS (khuếch tán toàn thân) (Máy 1.5 Tesla)

TT	Danh sách dịch vụ khám	Gói 5.1 khám tại Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka
2	Chụp CLVT 128 dãy tính điểm vôi hóa hệ động mạch vành (không tiêm thuốc cản quang)	x
3	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...) (Máy 1.5 Tesla)	x
4	Chụp cộng hưởng từ cột sống toàn trục - Bụng trên - DWIBS (khuếch tán toàn thân) (Máy 1.5 Tesla)	x
5	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não, không tiêm chất tương phản (Máy 1.5 Tesla)	x
6	Chụp CLVT ngực - bụng tiểu khung kèm đánh giá mỡ nội tạng (không tiêm thuốc cản quang)	x
7	Chụp X-quang tuyến vú 2 bên (Mammography) (nữ)	x
8	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới hai bên	x
9	Siêu âm Doppler hệ động mạch cảnh – sọ ngoài sọ	x
10	Siêu âm Doppler tim, màng tim qua thành ngực	x
11	Siêu âm tinh hoàn - Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên (nam)	x
12	Siêu âm tuyến vú hai bên (nữ)	x

TT	Danh sách dịch vụ khám	Gói 5.1 khám tại Phòng Khám Đa Khoa T-Matsuoka
13	Siêu âm vùng cổ (tuyến giáp, hạch, tuyến nước bọt)	x
14	Siêu âm ổ bụng tổng quát	x
V	Dịch vụ bác sĩ riêng chăm sóc sau khám	
1	Lập hồ sơ gửi các chuyên gia đầu ngành/ bác sĩ chuyên khoa khi có chỉ định thăm khám điều trị chuyên sâu nội/ngoại trú.	x
2	Chủ động theo dõi, đánh giá thường xuyên các chỉ số liên quan đến sức khỏe theo kế hoạch chăm sóc đã được lập (Qua điện thoại hoặc các lần thăm khám).	x
3	Chủ động nhắc nhở lịch chăm sóc sức khỏe (Lịch khám, sử dụng thuốc, tiêm chủng...)	x
4	Tư vấn miễn phí, hướng dẫn xử lý tình huống y tế khẩn cấp với BSR/Dược sĩ/ Điều dưỡng qua điện thoại (Bác sĩ sẽ xác nhận có thể đảm bảo yếu tố chuyên môn thông qua tư vấn điện thoại không hay vẫn cần thăm khám trực tiếp)	x
5	Tham dự các buổi sinh hoạt về y học thường thức, dinh dưỡng, tập luyện, cải thiện sức khỏe. Xua tan gánh nặng, sống chung an toàn với bệnh mãn tính.	x
6	Kiểm tra sức khỏe tại nhà với Điều dưỡng/Bác sĩ riêng	x
7	Khám bệnh phát sinh theo yêu cầu tại T-Matsuoka hoặc Telehealth	x
8	Khám định kì/theo dõi sức khỏe với Bác sĩ riêng hoặc Telehealth	x
9	Quản lý hồ sơ, lập báo cáo y tế hàng tháng/quý/năm	x
10	Liên tục điều chỉnh kế hoạch chăm sóc theo mức độ cải thiện sức khỏe của khách hàng	x
11	Khảo sát tiền sử bệnh tật gia đình, lập cây phả hệ theo dõi các bệnh lý liên quan yếu tố di truyền	x
12	Lập Hồ sơ & Kế hoạch chăm sóc sức khỏe chủ động 1 năm	x

❖ **Tại Singapore:** Gói 5.2, 5.3, 5.4; cụ thể:

TT	Hạng mục khám		Gói 5.2 khám tại Raffles		Gói 5.3 khám tại Parkway		Gói 5.4 khám tại Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
I	Khám lâm sàng							
1	Khám Nội Đa Khoa Tổng Quát	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng các chuyên khoa: Hô hấp, tuần hoàn, tim mạch, thần kinh, cơ xương khớp, tiêu hóa, kết luận gói khám	x	x	x	x	x	x
2	Khám kiểm tra huyết áp, cân nặng	Đánh giá các yếu tố nguy cơ, thói quen cuộc sống, thăm khám lâm sàng, kết luận gói khám	x	x	x	x	x	x
3	Khám Kiểm Tra Thị Lực	Kiểm tra, phát hiện bất thường về mắt	x	x				
4	Phân Tích Thành Phần Cơ Thể	Đo lường lượng mỡ và cơ trong cơ thể	x	x	x	x	x	x
5	Khám mắt	Thị lực, thị giác màu, đo áp lực nhãn cầu, chụp võng mạc			x	x	x	x
6	Tầm soát diabetic foot						x	x
II	Cận lâm sàng - Xét nghiệm							
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Bất thường tăng/giảm số lượng tế bào máu và các thông số liên quan	x	x	x	x	x	x

TT	Hạng mục khám		Gói 5.2 khám tại Raffles		Gói 5.3 khám tại Parkway		Gói 5.4 khám tại Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
2	Định lượng Cholesterol	Rối loạn chuyển hóa cholesterol đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác						
3	Định lượng Triglycerid	Rối loạn chuyển hóa triglycerid đơn thuần hoặc kết hợp với các thông số mỡ máu khác	x	x	x	x	x	x
4	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Giảm trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu						
5	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	Tăng trong bệnh cảnh rối loạn chuyển hóa mỡ máu						
6	Đo hoạt độ AST (GOT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	x	x	x	x	x	x
7	Đo hoạt độ ALT (GPT)	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan						
8	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen)	Dấu ấn sàng lọc ung thư tuyến tiền liệt			x		x	
9	Định lượng CEA	Tầm soát ung thư đường tiêu hoá, đại trực tràng	x	x	x	x	x	x

TT	Hạng mục khám		Gói 5.2 khám tại Raffles		Gói 5.3 khám tại Parkway		Gói 5.4 khám tại Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
10	Định lượng Creatinin	Đánh giá chức năng lọc của cầu thận, tính eGFR giúp phân độ suy thận	x	x	x	x	x	x
11	Định lượng Ure	Hỗ trợ đánh giá chức năng thận, đánh giá hiệu quả sau chạy thận nhân tạo.						
12	Định lượng Axit uric	Axit uric tăng cao kết hợp với triệu chứng lâm sàng giúp định hướng chẩn đoán bệnh Gout, tuy nhiên một số trường hợp không có triệu chứng lâm sàng hoặc tăng nhẹ nhưng vẫn có thể gây triệu chứng trên lâm sàng	x	x	x	x	x	x
13	Điện giải đồ (Na,K,Cl,Ca,P,Mg)				x	x		
14	Định lượng Glucose	Tiêu chuẩn chẩn đoán tiểu đường, rối loạn dung nạp đường máu	x	x	x	x	x	x
15	Đường máu HbA1c (tầm soát bệnh tiểu đường)		x	x	x	x	x	x
16	Định lượng Canxi trong máu		x	x				
17	Đo mật độ xương				x	x		
18	GATO Prime	Tầm soát thoái hóa đầu gối - chân			x	x		

TT	Hạng mục khám		Gói 5.2 khám tại Raffles		Gói 5.3 khám tại Parkway		Gói 5.4 khám tại Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
19	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	Sự xuất hiện của bạch cầu, hồng cầu, nitrite là chỉ điểm quan trọng để sơ bộ chẩn đoán các bệnh lý như viêm đường tiết niệu.	x	x	x	x	x	x
20	Tỷ lệ Microalbumin /Creatinine niệu		x	x	x	x	x	x
21	Máu lắng (ESR)		x	x				
22	Tầm soát bệnh lý tuyến giáp (T4 & TSH)		x	x	x	x	x	x
23	Miễn dịch: Yếu tố viêm khớp dạng thấp (RF)		x	x				
24	Miễn dịch (Anti-DS DNA Antibody, ANA)		x	x				
25	Tầm soát bệnh tim mạch (Homocysteine)		x	x				
26	Tầm soát bệnh tim mạch (HS CRP)		x	x				
27	Vitamin D		x	x	x	x	x	x
28	Tầm soát thiếu máu (B12)		x	x	x	x		
29	Tầm soát thiếu máu (Folate)		x	x				
30	Tầm soát thiếu máu (TIBC)		x	x	x	x		

TT	Hạng mục khám	Gói 5.2 khám tại Raffles		Gói 5.3 khám tại Parkway		Gói 5.4 khám tại Singhealth	
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
31	Sắt	x	x				
32	Ferritin	x	x	x	x		
33	Tầm soát Viêm gan A	x	x	x	x	x	x
34	Tầm soát Viêm gan B	x	x	x	x	x	x
35	Tầm soát Viêm gan C	x	x	x	x	x	x
36	Tầm soát HIV	x	x				
37	Tầm soát bệnh lây qua đường tình dục (VDRL / TPHA)	x	x				
38	Rubella IgG	x	x				
39	Dấu ấn Ung thư - Gan (AFP)	x	x	x	x	x	x
40	Dấu ấn Ung thư - Tuyến tụy (CA 19.9)	x	x	x	x	x	x
41	Dấu ấn Ung thư -Tai Mũi Họng (EBV)	x	x	x	x		
42	Dấu ấn Ung thư - Phổi (Cyfra21)	x	x				
43	Xét nghiệm máu ấn phân	x	x	x	x	x	x
44	Helicobacter Pylori IgG	x	x				
45	Dấu ấn Ung thư - Buồng trứng (CA 125)	x	x		x		x
46	Dấu ấn Ung thư - Vú (CA 15.3)	x	x		x		
47	Dấu ấn Ung thư- Tế bào mầm (B-HCG)	x	x				

TT	Hạng mục khám		Gói 5.2 khám tại Raffles		Gói 5.3 khám tại Parkway		Gói 5.4 khám tại Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
48	Nội tiết tố (E2, LH, FSH, Progesterone)		x	x				
49	Xét nghiệm thối Urea				x	x		
50	XN chẩn đoán sớm ung thư dạ dày				x	x		
III	KHÁM PHỤ KHOA							
1	Siêu âm tuyến vú	Đánh giá hình ảnh giải phẫu tuyến vú: kích thước, đậm độ âm, có nhân không, số lượng nhân	x	x		x		
2	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Pap smear	Phát hiện tế bào biến đổi bất thường, phân độ biến đổi tế bào	x	x		x		x
3	Siêu âm vùng chậu							x
4	Chụp nhũ ảnh							x
IV	Cận lâm sàng - CDHA							
1	Chụp Xquang ngực thẳng	Xquang tim phổi thẳng là thăm dò hình ảnh ban đầu có giá trị trong đánh các bệnh lý về phổi, ngoài ra nó còn cung cấp hình ảnh cấu trúc tim, mạch máu và các tổ chức khác ở lồng ngực.	x	x	x	x	x	x
2	Siêu âm ổ bụng (tổng quát)	Kiểm tra hình ảnh các chức năng của nội tạng	x	x	x	x	x	x
3	Siêu âm tuyến giáp	Đánh giá hình ảnh giải phẫu tuyến giáp: kích thước, đậm độ âm, có nhân không, số lượng nhân	x	x	x	x		

TT	Hạng mục khám		Gói 5.2 khám tại Raffles		Gói 5.3 khám tại Parkway		Gói 5.4 khám tại Singhealth	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
4	Điện tim thường (ECG)	Thăm dò về mặt điện học của tim qua đó cung cấp thông tin về: - Bệnh lý rối loạn nhịp hoặc dẫn truyền trong tim - Các hình ảnh gợi ý tăng gánh thất trái - Hình ảnh gợi ý thiếu máu cơ tim	x	x	x	x	x	x
5	Đo thông khí phổi		x	x				
6	Đo nhãn áp (tầm soát Glaucoma)		x	x				
7	Điện tim gắng sức		x	x	x	x	x	x
8	CT lồng ngực						x	x

❖ **Tại Nhật Bản:** Gói 5.5: Gói khám tầm soát ung thư tại bệnh viện Ariake

STT	Nội dung xét nghiệm	Gói tầm soát ung thư	
		Nam	Nữ
1	Nội soi dạ dày <i>Thực quản, dạ dày, tá tràng</i>	X	X
2	Kiểm tra ung thư phổi <i>Chụp CT xoắn ốc phổi</i>	X	X
3	Siêu âm ổ bụng, kiểm tra máu, nước <i>Gan, mật, tụy, thận</i>	X	X
4	Kiểm tra phân <i>2 lần</i>	X	X
5	Kiểm tra máu, nước tiểu <i>Sinh hóa, chỉ điểm u CEA, AFP, CA19-9. PSA(nam giới) hoặc CA125(phụ nữ)</i>	X	X
6	Khám nội khoa	X	X
7	Điện tâm đồ	X	X
8	Kiểm tra đáy mắt, thính lực	X	X
9	Kiểm tra tuyến giáp <i>Siêu âm, xét nghiệm máu</i>		X
10	Kiểm tra ung thư vú <i>Nhũ ảnh, siêu âm (phụ nữ dưới 35 tuổi chỉ siêu âm)</i>		X
11	Ung thư tử cung, buồng trứng <i>Kiểm tra tế bào cổ tử cung, thành tử cung, siêu âm, kiểm tra virus HPV</i>		X
12	Mật độ xương		X

5. **Thời gian đặt/hoãn hủy dịch vụ từ mục 1-4 (ngoại trừ dịch vụ Phòng chờ trong nước 1.a, Golf, Fasttrack quốc tế):** KH đặt trước tối thiểu 1 ngày và thời gian hoãn/hủy dịch vụ là 1 ngày trước thời điểm sử dụng dịch vụ. Riêng dịch vụ Golf, Nghi dưỡng, Fasttrack quốc tế: thời gian hoãn hủy miễn phí theo quy định của từng Đối tác cung cấp dịch vụ và được thông báo tới KH khi xác nhận lịch sử dụng dịch vụ.

6. **Dịch vụ Bác sĩ gia đình**

6. 1. **Phạm vi dịch vụ cung cấp**

TT	DỊCH VỤ	QUYỀN LỢI	Đối tượng áp dụng		
			KH Premier	KH Premier Elite	KH Private
I	Dịch vụ bác sĩ chuyên trách				

TT	DỊCH VỤ	QUYỀN LỢI	Đối tượng áp dụng		
			KH Premier	KH Premier Elite	KH Private
1	Bác sĩ chuyên trách	<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng của BIDV sẽ có một bác sĩ chuyên trách có trình độ chuyên môn tư vấn và chăm sóc sức khỏe cho bản thân và gia đình trong vòng 01 năm. - Bác sĩ thuộc 4 chuyên khoa (nội tổng quát, nhi khoa, tai mũi họng, dinh dưỡng) - Áp dụng cho khách hàng và gia đình, tại 34 tỉnh thành tại Việt Nam 	Không áp dụng	Không áp dụng	Áp dụng
2	Tư vấn sức khỏe 24/7 qua ứng dụng di động/hotline	<ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn sức khỏe không giới hạn - Khách hàng được tư vấn không mất phí, các xét nghiệm sẽ được giới thiệu đến các cơ sở y tế - Áp dụng cho khách hàng và gia đình, tại 34 tỉnh thành tại Việt Nam - Hình thức qua ứng dụng/hotline 	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng
3	Bác sĩ thăm khám tại gia	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ bác sĩ thăm khám tại gia số lượng 2 lần/năm - Áp dụng cho khách hàng và gia đình, tại 34 tỉnh thành tại Việt Nam 	Không áp dụng	Không áp dụng	Áp dụng
4	Lưu trữ hồ sơ bệnh án	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ bệnh án điện tử của khách hàng được lưu trữ bảo mật, và được bác sĩ chuyên trách theo dõi liên tục để kịp thời đưa ra các nhận định và giải pháp tối ưu về tình trạng sức khỏe của khách hàng. - Có thể cung cấp hồ sơ để bồi thường bảo hiểm,... tùy theo yêu cầu của khách hàng - Áp dụng cho khách hàng và gia đình, tại 34 tỉnh thành tại Việt Nam 	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng
II	Dịch vụ đặt lịch khám chuyên biệt				
1	Tìm kiếm và kết nối với các chuyên gia hàng đầu Việt Nam và Singapore	<ul style="list-style-type: none"> - Tùy thuộc vào yêu cầu về tư vấn sức khỏe của khách hàng và gia đình, đối tác sẽ tìm kiếm và kết nối với các chuyên gia hàng đầu Việt Nam và Singapore để phục vụ nhu cầu của khách hàng. - Chi phí khám khách hàng chi trả - Áp dụng cho khách hàng và gia đình, tại 34 tỉnh thành tại Việt Nam 	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng

TT	DỊCH VỤ	QUYỀN LỢI	Đối tượng áp dụng		
			KH Premier	KH Premier Elite	KH Private
2	Hỗ trợ cấp cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ khách hàng trong trường hợp cấp cứu khẩn cấp (trường hợp khách hàng gặp vấn đề về sức khỏe đối tác sẽ điều phối xe cấp cứu và hỗ trợ các thủ tục nhập viện nhanh nhất đảm bảo việc chăm sóc sức khỏe tốt nhất cho khách hàng). - Miễn chi phí xe cấp cứu trong nước cho khách hàng - Hỗ trợ dịch vụ cấp cứu quốc tế dành cho khách hàng công tác hoặc du lịch nước ngoài. - Chi phí cấp cứu quốc tế tùy theo từng trường hợp, đối tác hỗ trợ kết nối cho khách hàng - Dịch vụ 24/7 - Áp dụng cho khách hàng và gia đình, tại 34 tỉnh thành tại Việt Nam 	Trong nước	Trong nước	Quốc tế
3	Đặt lịch khám	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đặt lịch khám cho khách hàng với hệ thống bệnh viện, phòng khám trong hệ thống liên kết (theo yêu cầu), - Áp dụng cho khách hàng và gia đình, tại 34 tỉnh thành tại Việt Nam 	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng
4	Thư ký y khoa	<ul style="list-style-type: none"> - Thư ký y khoa đi cùng khách hàng trong suốt quá trình khám, sau đó lưu trữ và cập nhật hồ sơ bệnh án cho khách hàng 	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng
III	Dịch vụ xét nghiệm				
1	Xét nghiệm máu	<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng được xét nghiệm chỉ số máu để xác định các nguy cơ về sức khỏe - Danh sách chỉ số máu tại Bảng 1 kèm theo - Miễn phí 2 lần xét nghiệm máu/năm - Lấy máu và trả kết quả tại nhà - Áp dụng cho khách hàng và gia đình, tại 34 tỉnh thành tại Việt Nam 	25 chỉ số	25 chỉ số	32 chỉ số
2	Tiêm cúm mùa	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn phí 1 lần tiêm cúm mùa/năm - Áp dụng cho khách hàng và gia đình, tại 34 tỉnh thành 	Không áp dụng	Không áp dụng	Áp dụng

TT	DỊCH VỤ	QUYỀN LỢI	Đối tượng áp dụng		
			KH Premier	KH Premier Elite	KH Private
3	Giải mã ung thư	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn phí xét nghiệm ADN giúp xác định các nguy cơ ung thư thường gặp có thể xảy ra do các đứt gãy ADN di truyền. - Lấy mẫu xét nghiệm và trả kết quả tại nhà - Áp dụng cho khách hàng và gia đình, tại 34 tỉnh thành tại Việt Nam 	Không áp dụng	Khách hàng chọn 1 trong 2: Xét nghiệm 1 loại Gen ung thư hoặc Đánh giá sức khỏe tinh thần	Khách hàng chọn 1 trong 2: Xét nghiệm 3 loại Gen ung thư hoặc Đánh giá sức khỏe tinh thần và 01 buổi tư vấn tâm lý cùng chuyên gia
	Đánh giá sức khỏe tinh thần	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tình trạng căng thẳng, rối loạn lo âu, trầm cảm bằng công cụ DASS21. - Khách hàng sau khi làm đánh giá được xem kết quả tình trạng của mình. Chuyên gia tâm lý sẽ liên hệ lại để tư vấn và giải thích kết quả. - Trị liệu tâm lý: 50 phút cùng chuyên gia tâm lý. 			
IV	Dịch vụ giao thuốc				
1	Giảm giá mua thuốc	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm giá tối đa lên đến 20% khi khách hàng đặt mua thuốc qua hệ thống nhà thuốc của đối tác tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh hoặc qua ứng dụng di động - Áp dụng cho khách hàng và gia đình, tại 34 tỉnh thành tại Việt Nam 	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng
2	Miễn phí vận chuyển thuốc	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn phí vận chuyển thuốc đến khách hàng Có thể đảm bảo các tiêu chuẩn vận chuyển tùy loại thuốc: giữ lạnh... - Áp dụng cho khách hàng và gia đình, tại 34 tỉnh thành tại Việt Nam 	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng

Gói dịch vụ có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày kích hoạt

Bảng 1: Danh sách chỉ số máu xét nghiệm

STT	25 chỉ số máu	32 chỉ số máu
1	RGB	RGB
2	HGB	HGB
3	HCT	HCT
4	MCV	MCV
5	MCH	MCH
6	RDW	RDW
7	MCHC	MCHC
8	WBC	WBC

STT	25 chỉ số máu	32 chỉ số máu
9	NEU	NEU
10	LYM	LYM
11	MON	MON
12	EOS	EOS
13	BASO	BASO
14	PLT	PLT
15	MPV	MPV
16	PDW	PDW
17	PCT	PCT
18	P-LCR	P-LCR
19	Glucose	Glucose
20	Acid Uric	Acid Uric
21	ALT	ALT
22	AST	AST
23	GGT	GGT
24	Ure	Ure
25	Cretinin	Cretinin
26		Triglyceride
27		Cholesterol
28		HDL-C
29		LDL-C
30		Ferritin
31		Bilirubin gián tiếp
32		Bilirubin trực tiếp

6. 2. Quy định thời gian tiêu chuẩn dịch vụ

TT	Nội dung	Yêu cầu
I	Thời gian tiếp nhận, phản hồi thông tin đặt dịch vụ	
	Đăng ký kích hoạt dịch vụ	- 24h kể từ khi nhận được thông tin khách hàng
1	Khách hàng yêu cầu đặt lịch hẹn khám, tiêm cúm mùa	- Khách hàng cần đặt lịch sử dụng trước 12 tiếng. Khung thời gian đặt dịch vụ: Từ 7h-17h30 hàng ngày - Thông báo lịch hẹn tới khách hàng sau tối đa 1 tiếng từ khi khách hàng yêu cầu
2	Khách hàng yêu cầu bác sĩ thăm khám tại nhà	- Khách hàng cần đặt lịch sử dụng trước 5 tiếng. Khung thời gian đặt dịch vụ: Từ 7h-21h hàng ngày - Thông báo lịch hẹn tới khách hàng sau tối đa 1 tiếng từ khi khách hàng yêu cầu

TT	Nội dung	Yêu cầu
3	Khách hàng yêu cầu đặt lịch xét nghiệm (máu, gen)	- Khách hàng cần đặt lịch sử dụng trước 7 tiếng. Khung thời gian đặt dịch vụ: Từ 7h-21h hàng ngày - Thông báo ngay lịch hẹn với khách hàng
4	Khách hàng yêu cầu xe cứu thương	- Đề xuất quy trình triển khai dịch vụ, đảm bảo khách hàng có thể đặt lịch sử dụng 24/7 - Thông báo thời gian xe cứu thương tới khách hàng sau tối đa 10 phút từ khi khách hàng yêu cầu
II	Thời gian cung cấp dịch vụ	
1	Trả kết quả xét nghiệm máu	Trả kết quả sau tối đa 12 tiếng từ khi lấy mẫu xét nghiệm
2	Trả kết quả xét nghiệm gen	Trả kết quả sau tối đa 30 ngày từ khi lấy mẫu xét nghiệm
3	Tiêm cúm mùa	Tiêm trong thời gian 7h-17h tại cơ sở tiêm chủng.
4	Xe cứu thương đến địa điểm cấp cứu khách hàng	
4.1	Cấp cứu trong nước	Xe cứu thương đến sau tối đa 1 tiếng
4.2	Cấp cứu quốc tế	Xe cứu thương đến sau tối đa 3 tiếng
5	Giao thuốc đến địa chỉ khách hàng	
5.1	Khách hàng tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh	Giao thuốc sau tối đa 3 tiếng từ khi khách hàng đặt thuốc
5.2	Khách hàng tại các tỉnh thành khác	Giao thuốc sau tối đa 3 ngày từ khi khách hàng đặt thuốc

II. Yêu cầu đối tác cung cấp dịch vụ:

1. Các yêu cầu cụ thể về quản lý và vận hành đặc quyền

Nội dung	Yêu cầu chi tiết
Phát triển Đối tác	- Phát triển Đối tác theo yêu cầu của BIDV - Xây dựng quy trình vận hành phối hợp với Đối tác đảm bảo trải nghiệm khách hàng
Tổng đài cung cấp dịch vụ	Xây dựng và vận hành hệ thống tổng đài chính cho BIDV phục vụ KH. Tổng đài chính liên kết và quản lý các tổng đài phụ của các Đơn vị khác trên nền tảng số hóa theo tiêu chuẩn của BIDV.

	<p>Xây dựng và vận hành tổng đài kết nối với tổng đài chính của BIDV theo yêu cầu chi tiết như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu về hệ thống tổng đài Nhà thầu: + Tổng đài trên nền tảng chuẩn SIP + Tổng đài có hỗ trợ nhận cuộc gọi chuyển tiếp tự động từ tổng đài của BIDV và giữ nguyên hiển thị số điện thoại của Khách hàng gọi đến + Tổng đài có khả năng nhận diện Khách hàng khi Khách hàng gọi đúng số điện thoại đăng ký trên hệ thống qua cuộc gọi chuyển tiếp từ BIDV - Yêu cầu về đường truyền giữa tổng đài Nhà thầu và tổng đài BIDV + Kênh truyền số liệu là OfficeWan, khuyến nghị dùng của đối tác Viettel + Dung lượng đường truyền: 5 MB cho 50 cuộc gọi đồng thời - Yêu cầu về bảo mật thông tin: tuân thủ quy định bảo mật thông tin của BIDV <p>Xây dựng và Vận hành Hotline tổng đài riêng của Nhà thầu phục vụ KH BIDV trong trường hợp cung cấp riêng lẻ tổng đài theo tiêu chuẩn SLA do BIDV yêu cầu</p>
<p>Quản lý chương trình</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển và quản lý các chương trình đặc quyền theo đúng yêu cầu số lượng và chất lượng của BIDV quy định. Công tác quản lý bao gồm cấp phép dịch vụ, quản lý đặt dịch vụ, quản lý thống kê: Số lượt sử dụng thành công, số lượt sử dụng còn lại của từng khách hàng, tình trạng xử lý từng lượt đặt, lịch sử đặt chỗ... - Quản lý chất lượng đặt dịch vụ đặc quyền thông qua Hotline riêng của Nhà thầu có kết nối tới tổng đài chung của BIDV. Tổng đài phải đảm bảo các điều kiện sau: + Hotline hỗ trợ thông tin, tư vấn, đặt sử dụng dịch vụ bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh 24/7 + SLA dịch vụ cần đáp ứng theo yêu cầu của BIDV tại mục II.2 - Hệ thống quản lý khách hàng đảm bảo lưu giữ thông tin đặt chỗ, lịch sử đặt chỗ của khách hàng chính xác và kịp thời, đồng thời có khả năng kết nối với hệ thống của BIDV để KH truy cập theo dõi đặc quyền sử dụng - Giám sát hệ thống điểm ưu đãi và đặc quyền: thực hiện giám sát thường xuyên việc áp dụng đặc quyền và ưu đãi cho chủ thẻ tại các đơn vị liên kết/đơn vị cung cấp dịch vụ.
<p>Truyền thông</p>	<p>Phối hợp với BIDV và đơn vị liên quan triển khai truyền thông chương trình</p>

Báo cáo	<p>Báo cáo thường xuyên và đột xuất về các chương trình đặc quyền và hành vi khách hàng:</p> <p>Gửi báo cáo cho BIDV để cập nhật tiến độ và tình hình kết quả triển khai với từng cấu phần định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của BIDV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tiến độ thực hiện hợp đồng dịch vụ với BIDV - Báo cáo thường xuyên và đột xuất về các chương trình đặc quyền và hành vi khách hàng; - Báo cáo tần suất sử dụng ưu đãi và đặc quyền của khách hàng hàng tháng; - Báo cáo hàng tháng về chi tiết lượt đặt dịch vụ của từng khách hàng về toàn bộ các yêu cầu đặt/tư vấn dịch vụ của khách hàng: lịch sử đặt dịch vụ, trạng thái xử lý (trong đó tối thiểu có đầy đủ thông tin về thời điểm khách hàng đặt dịch vụ và thời điểm phản hồi kết quả của Nhà thầu làm căn cứ xác định tuân thủ SLA yêu cầu). Mẫu báo cáo được xây dựng theo yêu cầu của BIDV theo từng thời kỳ. - Báo cáo hàng tháng về tỷ lệ phản hồi cuộc gọi trong đó bao gồm các cuộc gọi được kết nối hoặc cuộc gọi chờ và kết quả xử lý gọi lại. - Báo cáo xử lý khiếu nại, tư vấn hỗ trợ và đặt dịch vụ qua tổng đài (bao gồm cả file ghi âm cuộc gọi với KH)..
Xử lý khiếu nại	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý khiếu nại và bồi hoàn tài chính trong trường hợp KH của BIDV không được sử dụng dịch vụ theo đúng chương trình do lỗi của nhà thầu. - Xử lý khiếu nại tổng đài: hoàn thiện và báo cáo kết quả xử lý từng trường hợp tối đa trong vòng 2h kể từ khi nhận được thông tin khiếu nại của khách hàng (từ BIDV và từ tổng đài của nhà thầu)
Đào tạo	<p>Đào tạo các đối tác cung cấp dịch vụ ưu đãi/đặc quyền: tối đa 02 tuần kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.</p>
Công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Có đội ngũ công nghệ có kinh nghiệm kết nối API với các nền tảng ứng dụng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, bán lẻ tiêu dùng. - Nhà thầu có khả năng triển khai và chỉnh sửa các hệ thống, API của Nhà thầu để tích hợp với hệ thống của BIDV; đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn của BIDV để vận hành và quản lý dịch vụ theo chính sách của BIDV trong từng thời kỳ. - Nhà thầu có tối thiểu các API đáp ứng các chức năng quản lý, đặt dịch vụ và hủy dịch vụ cho Khách hàng qua các kênh ứng dụng BIDV yêu cầu theo từng thời kỳ (BIDV Smartbanking, tổng đài...) - Thời gian hoàn thành tích hợp các API theo yêu cầu của BIDV trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng.

2. SLA yêu cầu

STT	Nội dung	Yêu cầu
1	Tỷ lệ cuộc gọi chờ trên đường truyền (Tối đa)	5%
2	Nhắc máy trong 20s đầu (Tối thiểu)	95%

	Tỉ lệ phản hồi các cuộc gọi	Gọi lại trong vòng 10 phút (Tối đa)	5%
3	Thời gian tiếp nhận và xác nhận các yêu cầu của khách hàng		Ngay lập tức trên cuộc gọi
4	Thời gian xử lý yêu cầu của khách hàng		Trong ngày
5	Thời gian phản hồi kết quả xử lý		+ Đối với các dịch vụ (ngoại trừ dịch vụ nghỉ dưỡng): Trong vòng 04 giờ làm việc, phản hồi khách hàng tình trạng thông tin booking. +Đối với dịch vụ nghỉ dưỡng: Trong vòng 24 giờ làm việc, gửi email cho khách hàng xác nhận booking. (Trường hợp cuối tuần/cao điểm/lễ tết, thời gian trả code cho khách hàng có thể lên đến 48 giờ làm việc)
6	Thời gian nhắc lịch trình của khách hàng		Trước 24h
7	Tỷ lệ các cuộc gọi / yêu cầu được phản hồi		100%
8	Thời gian chuyển BIDV hỗ trợ các yêu cầu khác liên quan phạm vi tư vấn của BIDV		Tối đa 10 phút kể từ khi kết thúc cuộc gọi với khách hàng
9	Báo cáo phản hồi khiếu nại, yêu cầu phát sinh		Trong vòng 24h và nhận được sự đồng ý của khách hàng về phản hồi khiếu nại.
10	Tỷ lệ hài lòng của khách hàng (Tối thiểu)		95%
11	Xếp hạng dịch vụ về tính thân thiện (thang điểm 10) (Tối thiểu)		9.5

3. Yêu cầu về thời gian cung cấp dịch vụ: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, cụ thể:

TT	Nội dung yêu cầu	
1	Hoàn thiện ký kết hợp đồng ưu đãi với các đối tác ưu đãi	Tối đa <u>1 tuần</u> kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Phát triển hệ thống ưu đãi đặc quyền	

	Hoàn thiện thiết lập và vận hành hệ thống ưu đãi đặc quyền	Tối đa <u>1 tuần</u> kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
	Quản lý và vận hành hệ thống ưu đãi đặc quyền	<u>12 tháng</u> kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
3	Xây dựng hệ thống tổng đài	
	Hoàn thành kết nối kỹ thuật với Tổng đài Khách hàng cao cấp của BIDV theo tiêu chuẩn của BIDV, đảm bảo: <ul style="list-style-type: none"> - Giữ nguyên hiển thị số điện thoại của Khách hàng khi nhận cuộc gọi chuyển tiếp tự động từ BIDV - Nhận diện được Khách hàng khi Khách hàng gọi đúng số điện thoại đăng ký trên hệ thống qua cuộc gọi chuyển tiếp từ BIDV 	Tối đa <u>2 tuần</u> kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
	Quản lý và vận hành Hotline đặc quyền	<u>12 tháng</u> kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4	Xây dựng hệ thống quản lý đặc quyền trên nền tảng số hóa theo tiêu chuẩn của BIDV	
	Hoàn thành giải pháp và kết nối kỹ thuật theo tiêu chuẩn/yêu cầu BIDV để KH có thể truy cập đặt và theo dõi đặc quyền sử dụng trực tuyến.	Tối đa <u>1 tháng</u> kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Các yêu cầu khác

TT	Nội dung yêu cầu
1	Cam kết bảo mật thông tin về chương trình ưu đãi đặc quyền cho chủ thẻ cao cấp BIDV
2	Cam kết bảo mật thông tin liên quan đến việc ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ với BIDV; thông tin về khách hàng của BIDV và các thông tin khác mà nhà thầu được biết về BIDV trong quá trình cung cấp dịch vụ
3	Cam kết không vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ khi sử dụng bất kỳ công cụ, sản phẩm, tài liệu nào để cung cấp dịch vụ cho BIDV

D. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu đề xuất biện pháp thực hiện để đáp ứng cung cấp đầy đủ danh mục dịch vụ như yêu cầu tại mục 3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.

E. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Theo thỏa thuận giữa BIDV và Nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng.

anh.dnh@bidv.com.vn | BIDV Nguyễn Ngọc Dương | 2401402240380005/2026